



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**2011**



[www.pvc.vn](http://www.pvc.vn)





**PVX**

**MÃ CỔ PHIẾU GIAO DỊCH TRÊN SỞ GDCK HÀ NỘI CỦA TỔNG CÔNG TY CP XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**PVX IS THE STOCK CODE OF PVC ON THE HANOI STOCK EXCHANGE (HNX)**



# MỤC LỤC

**THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT [4,5]**

**LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN [6]**

**GIỚI THIỆU [7]**

**BAN LÃNH ĐẠO [8,9]**

**BAN KIỂM SOÁT [10]**

**MÔ HÌNH TỔ CHỨC [10 - 11]**

**LĨNH VỰC KINH DOANH [12]**

**CÁC MỤC TIÊU KINH DOANH [13]**

**THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA PVC 2010 [14 -15]**

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ [17 - 21]**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT SXKD 2010  
VÀ KẾ HOẠCH 2011 [23 -30]**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN [31 -90]**

**CÁC CÔNG TRÌNH & DỰ ÁN [91-101]**

**CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN [102-103]**



## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi các Quý cổ đông!

**2011** là năm tình hình kinh tế trong nước và thế giới diễn biến hết sức phức tạp, lạm phát trong nước tăng cao, thị trường tài chính tiền tệ, giá cả vật tư, nguyên vật liệu cũng như nhân công trong nước có nhiều biến động. Khủng hoảng kinh tế toàn cầu tác động mạnh mẽ đến Việt Nam và các doanh nghiệp xây dựng là một trong những nhóm đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. PVC cũng không nằm ngoài vòng xoáy khốc liệt ấy.

**“Lửa thử vàng, gian nan thử sức”!** Quản trị sâu sắc và thực thi nghiêm túc tinh thần Nghị quyết 11 của Chính phủ về các giải pháp thắt chặt tiền tệ để góp phần kiềm chế lạm phát với tinh thần đoàn kết, chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, Tổng công ty đã từng bước vượt qua khó khăn, hoàn thành các mục tiêu đề ra, tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng, khẳng định vai trò, vị thế của một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí, góp phần vào sự phát triển chung của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

Trong năm 2011, PVC đã thực hiện khởi công nhiều công trình mới có quy mô lớn như: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Trung tâm Nhiệt điện Quảng Trạch 1, Chế tạo chân đế giàn khoan RC6 và RC7 mỏ Nam Rồng- Đối Mối, thi công khối thượng tầng giàn đầu giếng H4 mỏ Tê Giác Trắng, chế tạo chân đế và Topside giàn Mộc Tinh 1- dự án Biển Đông, nâng cấp mở rộng nhà máy chế biến Condensate- Phú Mỹ...

PVC cũng đã hoàn thành thi công, bàn giao hàng loạt công trình lớn cho Chủ đầu tư đảm bảo tiến độ, chất lượng, điển hình như: Tổng kho khí hóa lỏng Bắc Trung Bộ, Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, Khách sạn Lam Kinh - Thanh Hóa, Nhà máy sản xuất bao bì Bạc Liêu, Cao ốc văn phòng Dragon Tower, Trung tâm Tài chính Dầu khí Đà Nẵng, Trung tâm Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng... và rất nhiều công trình an sinh xã hội khác trên cả nước.



Bước sang năm 2012, nền kinh tế thế giới và Việt Nam tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách, thậm chí có những lĩnh vực còn khốc liệt hơn năm 2011. Chính vì vậy, việc xây dựng kế hoạch và các giải pháp thực hiện mục tiêu nhiệm vụ năm 2012 được chúng tôi đặt lên hàng đầu. Cùng với tinh thần cầu thị và ý chí quyết tâm cao, năng lực tự chủ và khả năng thích ứng tốt, sau khi nhận biết được những bất cập nội tại của bản thân Tổng công ty, chúng tôi hoàn toàn tự tin vào khả năng biến thách thức thành cơ hội để phấn đấu hoàn thành vượt mức và toàn diện các mục tiêu nhiệm vụ đã đề ra cho năm nay, với giá trị sản lượng 15.500 tỷ đồng, doanh thu 12.500 tỷ đồng, lợi nhuận 1.258 tỷ đồng.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn và mong mỗi sẽ tiếp tục nhận được sự đồng cảm, chia sẻ, hỗ trợ, hợp tác và động viên cổ vũ của các quý Cổ đông, các nhà đầu tư và các đối tác chiến lược. Chúng tôi xem đây như là chỗ dựa vững chắc và cũng là động lực giúp chúng tôi thêm tự tin tiếp tục phấn đấu thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ đã đề ra cho năm 2012, đem lại những giá trị tốt đẹp cho cộng đồng và xã hội.

Tôi cũng xin cảm ơn những nỗ lực của tập thể lãnh đạo và sự lao động sáng tạo của cán bộ nhân viên PVC, những người đã có đóng góp quan trọng nhất để đưa PVC vượt qua mọi khó khăn thử thách để gạt hái những thành công trên những chặng đường đã qua, khẳng định năng lực, vị thế của một đơn vị Anh hùng Lao động!

Hà Nội, tháng 5 năm 2012  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**Trịnh Xuân Thanh**

## LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

**08/1983**

Chủ tịch HĐBT cho phép Tổng cục Dầu khí thành lập Xí nghiệp Liên hợp Xây lắp Dầu khí.

**14/09/1983**

Tổng cục Dầu khí đã quyết định thành lập Xí nghiệp Liên hợp Xây lắp Dầu khí.

**19/09/1995**

Xí nghiệp Liên hợp Xây lắp Dầu khí đổi tên thành Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.

**17/03/2005**

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí thành Công ty CP Xây lắp Dầu khí.

**26/10/2007**

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam thông qua Đề án chuyển đổi Công ty CP Xây lắp Dầu khí thành Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

**21/11/2007**

Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua đề án chuyển đổi Công ty CP Xây lắp Dầu khí.

**27/6/2008**

Đại hội cổ đông thường niên Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng.

**16/5/2009**

Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) thông qua Kế hoạch niêm yết cổ phiếu lên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Chiến lược phát triển đến năm 2015, định hướng đến năm 2025.

**19/8/2009**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thực hiện Niêm yết 150.000.000 cổ phiếu với mã cổ phiếu là PVX trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**20/01/2010**

Đại hội đồng cổ đông bất thường Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 2.500 tỷ đồng.

**7/1/2011**

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, sáng tạo từ năm 1999 đến năm 2009, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam vinh dự được Nhà nước trao tặng danh hiệu Anh hùng Lao động theo Quyết định số 15/QĐ-CTN ngày 07 tháng 01 năm 2011 do Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Minh Triết ký.

**23/3/2012**

Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam tăng vốn điều lệ thành công lên 4.000 tỷ đồng.

## GIỚI THIỆU

### TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

<b>Trụ sở chính:</b>	Tòa nhà CEO, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội
<b>Điện thoại:</b>	(84) 4 3768 9291 / 3 / 4 / 5
<b>Fax:</b>	(84) 4 3768 9290 / 3768 9867
<b>Email:</b>	info@pvc.vn
<b>Website:</b>	www.pvc.vn
<b>Văn phòng phía Nam:</b>	Tầng 6, tòa nhà Media, 11Bis, Nguyễn Gia Thiều, P. 6, Q.3, TP. Hồ Chí Minh
<b>Điện thoại :</b>	(84) 8 5422 1015
<b>Fax :</b>	(84) 8 5422 1515
<b>Mã cổ phiếu:</b>	PVX
<b>Lĩnh vực kinh doanh:</b>	- Xây lắp chuyên ngành dầu khí - Xây dựng chuyên ngành công nghiệp và dân dụng - Đầu tư, xây dựng khu công nghiệp và đô thị - Đầu tư bất động sản, kinh doanh văn phòng, siêu thị, nhà ở - Đầu tư tài chính
<b>Vốn điều lệ năm 2012:</b>	4.000 tỷ
<b>Chủ tịch HĐQT:</b>	Ông Trịnh Xuân Thanh
<b>Tổng giám đốc:</b>	Ông Vũ Đức Thuận
<b>Số lượng cán bộ công nhân viên:</b>	7798 (*)

(\*) Cập nhật đến tháng 4/2012

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- Ông **TRINH XUÂN THANH**  
Chủ tịch HĐQT
- Ông **NGUYỄN NGỌC QUÝ**  
Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông **VŨ ĐỨC THUẬN**  
Ủy viên HĐQT
- Ông **NGUYỄN HUY HÒA**  
Ủy viên HĐQT
- Bà **NGUYỄN VIỆT ANGA**  
Ủy viên HĐQT





## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- Ông **VŨ ĐỨC THUẬN**  
Tổng giám đốc
- Ông **NGUYỄN VĂN ĐỒNG**  
Phó Tổng giám đốc
- Ông **BÙI TIẾN THÀNH**  
Phó Tổng giám đốc
- Ông **NGUYỄN TRUNG TRÍ**  
Phó Tổng giám đốc
- Ông **NGUYỄN ANH MINH**  
Phó Tổng giám đốc
- Ông **NGUYỄN DUYÊN HẢI**  
Phó Tổng giám đốc
- Ông **TRƯƠNG QUỐC DŨNG**  
Phó Tổng giám đốc

## BAN KIỂM SOÁT



• Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG  
Trưởng Ban Kiểm soát

• Ông HỮA XUÂN NAM  
Ủy viên Ban Kiểm soát

• Ông VŨ HỮU NGHỊ  
Ủy viên Ban Kiểm soát

• Bà NGUYỄN HỒNG ANH  
Ủy viên Ban Kiểm soát

• Bà TRẦN THỊ TRANG  
Ủy viên Ban Kiểm soát

## MÔ HÌNH TỔ CHỨC





## CÁC BAN, TRUNG TÂM CHỨC NĂNG - BAN ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN

### CÁC BAN, TRUNG TÂM CHỨC NĂNG

- 1 Văn phòng**
  - 1.1 Phòng Văn thư lưu trữ
  - 1.2 Phòng Tổng hợp - Thi đua khen thưởng
  - 1.3 Phòng Hành chính - Quản trị
  - 1.4 Phòng Truyền thông nội bộ
  - 1.5 Phòng Tin học
  - 1.6 Văn phòng phía Nam
- 2 Ban Tổ chức Nhân sự**
  - 2.1 Phòng Tổ chức Cán bộ
  - 2.2 Phòng Tiền lương và Chế độ chính sách
  - 2.3 Phòng Đào tạo - Phát triển nguồn nhân lực
  - 2.4 Phòng Pháp chế
- 3 Ban Tài chính Kế toán**
  - 3.1 Phòng Tài chính
  - 3.2 Phòng Kế toán
- 4 Ban Kỹ thuật An toàn**
  - 4.1 Phòng Quản lý kỹ thuật thi công
  - 4.2 Phòng Quản lý chất lượng
  - 4.3 Phòng An toàn và Môi trường
- 5 Ban Thương mại**
- 6 Ban Kế hoạch**
- 7 Ban Kinh tế Đầu thầu**
  - 7.1 Phòng Đầu thầu
  - 7.2 Phòng Quản lý hợp đồng
- 8 Ban Đầu tư và Dự án**
  - 8.1 Phòng Kinh doanh
- 9 Ban Kiểm toán nội bộ**
- 10 Trung tâm Tư vấn Thiết kế và Ứng dụng Kỹ thuật PVC**

### CÁC BAN ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN

- 1 BĐH các dự án của PVC tại Hà Nội**
- 2 BĐHDA Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2**
- 3 BĐHDA Vũng Áng - Quảng Trạch**
- 4 BĐHDA Nhà máy sản xuất Ethanol**
- 5 BĐHDA Nhà máy điện Nhơn Trạch 2**
- 6 BĐHDA Nhà máy Xơ sợi tổng hợp Polyester**
- 7 BĐHDA Tây Nam Bộ**
- 8 Ban chuẩn bị đầu tư dự án Tháp Dầu khí**

### CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

- 1 CÁC CÔNG TY CON**
- 2 CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT**

## LĨNH VỰC KINH DOANH

### A. Xây lắp chuyên ngành Dầu khí

- Xây dựng nhà máy lọc hóa dầu
- Thiết kế, chế tạo, lắp đặt hệ thống đường ống dẫn dầu, khí.
- Thiết kế, thi công, sửa chữa giàn khoan, chân đế, bồn bể.
- Sản xuất & lắp đặt các phụ kiện khoan khai thác dầu khí.
- Đóng tàu & kinh doanh các thiết bị ngành dầu khí.

### B. Xây dựng công nghiệp

- Tổng thầu EPC xây dựng nhà máy nhiệt điện, khí điện, lắp đặt hệ thống đường dây tải điện lên đến 35KV.
- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí, đóng tàu, vật liệu xây dựng. Thiết kế và tổng thầu EPC các dự án hạ tầng giao thông thủy lợi.
- Lắp đặt các hệ thống thiết bị công nghiệp, thiết bị điều khiển, tự động hóa cho các công trình công nghiệp...

### C. Xây dựng dân dụng

- Đầu tư, tư vấn, thiết kế các công trình dân dụng.
- Tổng thầu EPC các dự án xây dựng văn phòng, khách sạn và chung cư cao cấp, đặc biệt nhà kết cấu thép, nhà cao tầng và siêu cao tầng.

### D. Đầu tư xây dựng khu Công nghiệp

- Xây dựng các khu công nghiệp và khu đô thị mới.
- Thi công san lấp mặt bằng, đường xá.
- Xây dựng nhà máy xi măng, trạm trộn bê tông và sản xuất vật liệu xây dựng.

### E. Đầu tư tài chính

- Đầu tư góp vốn vào các công ty thành viên.
- Khai thác nguồn tài chính bên ngoài, liên doanh, liên kết và phát hành cổ phiếu.
- Liên doanh với đối tác nước ngoài để hợp tác đầu tư các dự án có vốn đầu tư lớn.

### F. Đầu tư bất động sản

- Văn phòng; Siêu thị; Nhà ở

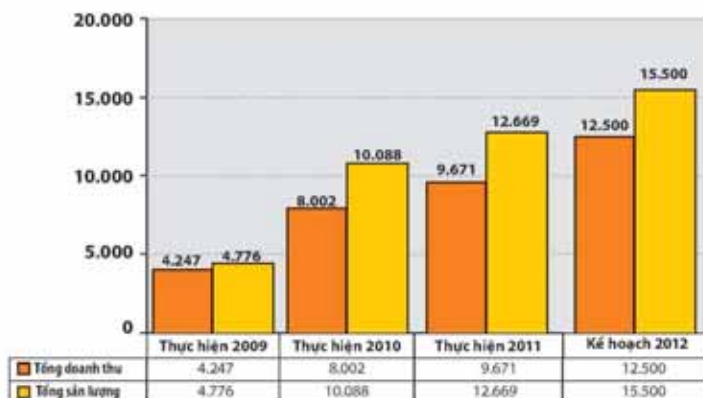
[www.pvc.vn](http://www.pvc.vn)



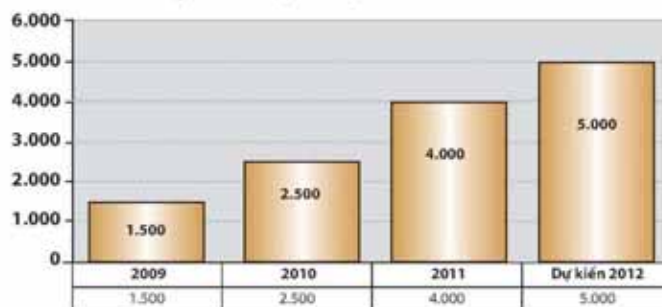


## CÁC MỤC TIÊU KINH DOANH

DOANH THU VÀ SẢN LƯỢNG CỦA TCT (TỶ VND)



VỐN ĐIỀU LỆ CỦA TCT (TỶ VND)



## TỶ TRỌNG CÁC LĨNH VỰC NĂM 2015

STT	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ trọng
1	Lĩnh vực xây lắp các nhà máy lọc hóa dầu, chế biến khí và các nhà máy công nghiệp khác	20%
2	Lĩnh vực cơ khí chế tạo thiết bị dầu khí, sản xuất công nghiệp	20%
3	Lĩnh vực xây dựng hệ thống tầng trữ và vận chuyển các sản phẩm dầu khí	15%
4	Lĩnh vực đầu tư khu công nghiệp, căn cứ dịch vụ dầu khí	15%
5	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	15%
6	Lĩnh vực xây lắp các công trình dầu khí trên biển	7,5%
7	Lĩnh vực xây lắp nhà cao tầng	7,5%



**3** Tổng công ty đã thực hiện khởi công nhiều công trình mới như: Khách sạn Dầu khí Thái Bình, Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Trung tâm Nhiệt điện Quảng Trạch 1, Tòa nhà trụ sở Agribank, Chế tạo chân đế giàn khoan RC6 và RC7 mỏ Nam Rồng- Đối Mối, thi công khối thượng tầng giàn dầu giếng H4 mỏ Tê Giác Trắng, chế tạo chân đế giàn khoan và chế tạo Topside giàn Mộc Tinh 1- dự án Biển Đông,....

**6** PVC đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Đến nay, toàn Tổng công ty có trên 700 lao động có chứng chỉ nghề đạt tiêu chuẩn quốc tế. PVC đã cử 11.411 lượt người với kinh phí đào tạo thực hiện là 2,803 tỷ đồng. Các khoá đào tạo đã được cải tiến về nội dung, chất lượng đảm bảo phù hợp thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

**7** Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội với tổng số tiến thực hiện trong năm 2011 là hơn **65 tỷ đồng**, đảm bảo việc làm và ổn định đời sống cho toàn thể CBCNV.







**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
NĂM 2010 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2011**



**Professional Visionary Creative**  
QUYỀN NGHIỆP. TÂM NHÌN. SÁNG TẠO



## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2011 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2012

### 2011 | VỮNG VÀNG VƯỢT QUA THỬ THÁCH

**T**rong bối cảnh kinh tế thế giới chưa có nhiều chuyển biến khả quan, còn tiềm ẩn yếu tố rủi ro và được dự báo tiếp tục có những biến động khó lường, năm 2011, nền kinh tế Việt Nam chịu tác động tiêu cực. Tình hình lạm phát trong nước tăng cao, thị trường tài chính tiền tệ, giá cả vật tư, nguyên vật liệu cũng như nhân công trong nước có nhiều biến động, hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiếp tục bị áp lực do lãi suất vay và huy động vốn cao, các doanh nghiệp xây dựng trong nước nói chung là một trong những nhóm đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất và Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) không phải là ngoại lệ.

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm chế lạm phát, nhiều chủ đầu tư đã thực hiện dừng, giãn tiến độ các dự án, đặc biệt là việc giải ngân vốn đầu tư rất khó khăn đã làm ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch sản lượng, doanh thu, lợi nhuận của PVC trong năm vừa qua.

Trước tình hình khó khăn đó, PVC đã tập trung chỉ đạo quyết liệt và nỗ lực phấn đấu nhằm đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ thi công các dự án, công trình. Hầu hết các công trình thi công đều đạt tiến độ để ra, đảm bảo chất lượng, cụ thể:

PVC đã hoàn thành thi công, bàn giao hàng loạt công trình lớn cho Chủ đầu tư, điển hình như: Trung tâm lưu trữ tài liệu cụm Khí-Điện-Đạm Cà Mau, công trình Tổng kho khí hóa lỏng Bắc Trung Bộ, Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, Nhà máy sản xuất bao bì Dầu khí, Khu nhà ở và dịch vụ phục vụ dự án liên hiệp LHD Nghi Sơn, Khách sạn Lam Kinh- Thanh Hóa, Bãi đỗ xe ngầm

kết hợp TMDV Thành Công- Hà Nội, Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng số 2 Nguyễn Hữu Cảnh-Vũng Tàu, Nhà máy sản xuất bao bì Bạc Liêu, Cao ốc văn phòng Dragon Tower, Cao ốc văn phòng 43 Mạc Đĩnh Chi, Trung tâm Tài chính Dầu khí Đà Nẵng, Trung tâm Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng,... và một số công trình an sinh xã hội.

Bên cạnh đó, PVC cũng đã thực hiện khởi công nhiều công trình mới như: Khách sạn Dầu khí Thái Bình, Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Trung tâm Nhiệt điện Quảng Trạch 1, Cơ sở kinh doanh dịch vụ tại Trung tâm văn hóa hàng không Gia Lâm -Hà Nội, Tòa nhà trụ sở Agribank, Ban quản lý 6 Cục đường bộ, Chế tạo chân đế giàn khoan RC6 và RC7 mỏ Nam Rồng- Đối Mới, thi công khối thượng tầng giàn đầu giếng H4 mỏ Té Giác Trắng, chế tạo chân đế giàn khoan và chế tạo Topside giàn Mộc Tinh 1- dự án Biển Đông, nâng cấp mở rộng nhà máy chế biến Condensate- Phú Mỹ,...

Với những nỗ lực vượt bậc của tập thể lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV trong toàn Tổng công ty, có thể nói trong năm 2011, PVC đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế mà Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2011 đã thông qua

Năm 2011, với vai trò hết sức quan trọng là đại diện cho các cổ đông của PVC, Hội đồng Quản trị PVC đã cố gắng nỗ lực vượt lên những khó khăn, thách thức với phương châm điều hành "quyết liệt, hiệu quả, chính xác, kịp thời" nhằm cùng cố và phát triển vị thế của PVC trên thị trường.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2011, Hội đồng Quản trị PVC đã tổ chức nghiêm túc họp định kỳ đánh giá tình hình



theo Quý và ban hành các Nghị quyết cụ thể để định hướng Ban Giám đốc triển khai quyết liệt mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

### **CÔNG TÁC QUẢN LÝ, TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH**

Trong năm qua, có thể nói hoạt động của Hội đồng Quản trị đã đạt được những kết quả tốt, thể hiện ở các cơ chế chính sách không ngừng được hoàn thiện, công tác kiểm tra giám sát được tăng cường và các biện pháp phối hợp giải quyết kịp thời khi đơn vị gặp khó khăn. Các thành viên trong Hội đồng Quản trị đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hội đồng Quản trị đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 và các phiên họp Hội đồng Quản trị định kỳ để trực tiếp để kiểm tra, đánh giá kết quả cũng như chỉ đạo thực hiện các hoạt động SXKD của PVC. Hội đồng Quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của đơn vị để đưa ra các chủ trương, Nghị quyết và Quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ SXKD của mình, cùng Ban Tổng Giám đốc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác thi công các công trình/dự án để hoàn thành và bàn giao đúng tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Hội đồng Quản trị luôn tập trung công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của PVC an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai hoạt động SXKD theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.

Các Nghị quyết, Quyết định do Hội đồng Quản trị ban hành đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên Hội đồng Quản trị.

Năm 2011, Hội đồng Quản trị đã bổ sung, sửa đổi và xây dựng mới các quy chế để phù hợp với tình hình SXKD hiện tại của PVC như: Quy chế làm việc của Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam; Quy chế trả lương trả thưởng đối với các

đơn vị trực thuộc Tổng công ty và với Cơ quan Tổng công ty; Quy chế tổ chức và quản lý công tác đào tạo Tổng công ty; Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở tại công ty mẹ - Tổng công ty PVC; Quy định về cơ cấu tổ chức, chức năng - nhiệm vụ và quyền hạn của bộ máy tham mưu giúp việc công ty mẹ - TCT PVC; Quy chế thực hiện và phối hợp thực hiện các dịch vụ trong ngành của Tổng công ty PVC....

### **HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC, SẮP XẾP, ĐỔI MỚI VÀ TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế như hiện nay, công tác tái cấu trúc nhằm tăng nội lực cho doanh nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm và sẽ còn được tiếp tục triển khai mạnh mẽ trong thời gian tới để đảm bảo hiệu quả hoạt động của bộ máy, tiết giảm chi phí một cách tối ưu nhất để có thể tồn tại và phát triển trong thời điểm khó khăn như hiện nay.

Trong năm 2011, Hội đồng Quản trị đã đưa ra nhiều định hướng chiến lược quan trọng cho hoạt động SXKD của PVC với mục tiêu tăng trưởng bền vững, lấy hiệu quả và nâng cao giá trị doanh nghiệp làm trọng tâm. Hiệu quả kinh tế phải phù hợp với các quy định của pháp luật, chính sách của Nhà nước.

Một trong những chủ trương quan trọng của Hội đồng Quản trị trong năm 2011 là không đầu tư dàn trải, dừng góp vốn, tiến tới thoái vốn đã đầu tư vào các công ty bên ngoài để tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi. Bên cạnh đó, trong đó tiếp tục chỉ đạo thực hiện kiện toàn bộ máy tổ chức Công ty mẹ và các đơn vị thành viên theo hướng chuyên sâu, tập trung theo vùng, miền, phát huy thế mạnh của các đơn vị trong PVC. Thực hiện công tác thoái vốn tại các đơn vị hoạt động kém hiệu quả, thu hồi vốn và lợi nhuận về PVC, đồng thời cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư tài chính.

Tháng 6/2011, PVC đã hoàn thành công tác sắp xếp, phân loại và xây dựng nhóm các đơn vị thành viên với 15 công ty con và 13 công ty liên kết, hoạt động tại các vùng, miền khác nhau trong các lĩnh vực hoạt động chính của PVC (Xây lắp, Sản xuất công nghiệp và Kinh doanh Bất

động sản). Các đơn vị còn lại được PVC xếp vào nhóm các đơn vị đầu tư tài chính, theo đó PVC sẽ thực hiện cơ cấu lại các khoản mục đầu tư căn cứ vào tình hình thị trường, phù hợp với kế hoạch SXKD, đảm bảo năng cao hiệu quả sử dụng vốn.

### CÔNG TÁC GIÁM SÁT TÀI CHÍNH VÀ ĐẦU TƯ

Thực hiện Nghị Quyết số 338/NQ-ĐHCD-XLDK ngày 23/04/2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên PVC năm 2011 về việc thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Tổng công ty từ 2.500 tỷ đồng lên 5.000 tỷ đồng, PVC đã phối hợp với đơn vị tư vấn xây dựng và triển khai phương án phát hành tăng vốn điều lệ từ 2.500 tỷ đồng tăng lên 5.000 tỷ đồng trình ĐHCĐ phê duyệt. Ngày 17/11/2011 PVC đã được UBCKNN chấp thuận tăng vốn điều lệ từ 2.500 tỷ đồng lên 5.000 tỷ đồng. Đến ngày 31/3/2012, PVC đã hoàn thành phương án tăng vốn với số vốn điều lệ tăng thêm là 1.500 tỷ đồng. Tổng số vốn điều lệ của PVC tính đến thời điểm hiện tại là 4.000 tỷ đồng.

Năm 2011, trước tình hình khó khăn của nền kinh tế cùng với tình trạng rủi ro về tỷ giá và lạm phát biến động theo chiều hướng tăng, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo các đơn vị thành viên nghiêm túc thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 28/02/2011 của Chính phủ về kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. PVC đã đề xuất điều chỉnh giảm chỉ tiêu kế hoạch đầu tư trực tiếp năm 2011 từ 866,25 tỷ đồng xuống còn 20,44 tỷ đồng đối với các dự án như: Dự án khu công nghiệp Soài

Rạp, Dự án lò đất Trung tâm kỹ thuật Đa ngành, Dự án Trung tâm Thương mại và Tháp Dầu khí.

Về công tác đầu tư góp vốn: Tổng số vốn góp của PVC vào các doanh nghiệp khác tính đến hết năm 2011 là 3.439,3 tỷ đồng, trong đó: Góp vào các công ty chi phối là 2.252,2 tỷ đồng, công ty liên kết là 633,7 tỷ đồng và công ty khác là 553,4 tỷ đồng.

Trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế nói chung và của PVC nói riêng, đạt được kết quả SXKD như trên là sự nỗ lực rất đáng trân trọng của toàn thể cán bộ công nhân viên PVC. Hội đồng Quản trị hết sức ghi nhận sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên PVC đã cùng đồng sức đồng lòng để có thể đạt được những kết quả đó.

Niên độ tài chính năm 2011 đã trôi qua trong một hoàn cảnh thật sự khó khăn cho toàn thể các doanh nghiệp Việt Nam. Có thể nói cuộc khủng hoảng cũng chính là một cơ hội sàng lọc, và theo quy luật đào thải, các doanh nghiệp nào yếu kém sẽ phải rời khỏi cuộc chơi. Các đơn vị có tiềm lực phải thu mình tự củng cố quy mô, nguồn lực và tìm ra các giải pháp để tồn tại và vượt qua. Dự báo năm 2012 vẫn sẽ tiếp tục là một năm đầy thách thức của nền kinh tế, Hội đồng Quản trị sẽ có những chiến lược và mục tiêu phù hợp để kiện toàn bộ máy, củng cố nội lực để phục vụ cho những chương trình trung hạn trong tương lai.

## 2012 | TẬN DỤNG THỜI CƠ, ĐỔI MỚI PHÁT TRIỂN

Từ kết quả hoạt động 2011, ngay từ đầu năm 2012, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo triển khai một số công việc quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và tăng cường quản lý; đồng thời xây dựng lộ trình và chương trình cụ thể trên tinh thần đổi mới kèm theo biện pháp chỉ đạo quyết liệt, triệt để nhằm đưa PVC vượt qua giai đoạn khó khăn và phát triển bền vững.

Năm 2012, với mục tiêu tiếp tục phát triển

theo hướng trở thành đơn vị chủ lực của ngành Dầu khí trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành, xây dựng dân dụng và công nghiệp, trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch sản lượng là 15.500 tỷ đồng, doanh thu 12.500, lợi nhuận trước thuế 1.258 tỷ đồng, tỷ lệ chia cổ tức 10%, Hội đồng Quản trị PVC xây dựng phương hướng hoạt động năm 2012 và những năm tiếp theo như sau:

- Tiếp tục đặt yêu cầu từng thành viên trong Hội đồng Quản trị phải xây dựng kế hoạch cụ



thể cho nhóm công việc được phân công theo từng Quý, cùng với các điều kiện triển khai và biện pháp điều hành phù hợp.

- Đảm bảo an toàn trong các mặt hoạt động, tăng cường quản trị rủi ro, đáp ứng quy định về các tỷ lệ an toàn (sử dụng vốn/nguồn vốn,...); đảm bảo tính đầy đủ và phù hợp của các quy trình, quy chế, và quan trọng hơn là việc tuân thủ các quy trình, quy chế.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán, trong đó đặc biệt chú trọng công tác kiểm tra và tự kiểm tra.

- Tiếp tục triển khai thực hiện việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, tái cấu trúc tổng thể PVC, tập trung đầu tư vào các đơn vị thành viên thuộc lĩnh vực SXKD chính của Tổng Công ty. Để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, ngay khi điều kiện thị trường thuận lợi, Tổng Công ty sẽ tiến hành thoái vốn tại các đơn vị có hoạt động SXKD không hiệu quả hoặc không thuộc lĩnh vực SXKD cốt lõi của PVC.

- Xây dựng, hoàn thiện chiến lược phát triển PVC trên cơ sở định hướng của PVC trong thời gian tới là tập trung vào lĩnh vực xây lắp các công trình dầu khí trên bờ, công trình vận chuyển, chế biến, tàng trữ dầu khí và các công trình nhà máy điện.

- Tổ chức lại Công ty mẹ để đảm nhận hoạt động sản xuất kinh doanh chính, xác định số lượng các công ty con (đảm bảo sắp xếp hợp lý theo vùng miền) và chỉ đạo các công ty con chuyên môn hóa vào từng lĩnh vực SXKD phù hợp với chuỗi liên kết, ngành nghề kinh doanh của Công ty mẹ.

- Tiếp tục kiện toàn lại bộ máy nhân sự theo mô hình gọn nhẹ và linh động với khung cán bộ kỹ sư chủ chốt có trình độ quản lý và chuyên môn cao.

- Tăng cường công tác kiểm soát và quản lý đối với người đại diện phần vốn, quản lý hiệu quả việc sử dụng vốn tại các đơn vị thành viên.

- Sử dụng vốn điều lệ tăng thêm và các nguồn vốn khác đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả kinh tế.

- Tiếp tục chỉ đạo và hỗ trợ các công ty con, công ty liên kết đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch niêm yết cổ phiếu lên sàn chứng khoán, tranh thủ các điều thuận lợi nhằm huy động vốn đáp ứng tối đa cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của các đơn vị cũng như toàn PVC.

- Giám sát chặt chẽ việc thực hiện đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị đảm bảo đúng quy định pháp luật và mang lại hiệu quả đầu tư.

- Tìm kiếm và đàm phán với các đối tác bên ngoài có tiềm lực tài chính, năng lực thực hiện đầu tư để cùng góp vốn đầu tư các dự án Trung tâm thương mại và Tháp Dầu khí, Trung tâm kỹ thuật Đa ngành do PVC làm chủ đầu tư.

- Phát huy các kết quả đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua, từng bước tiếp tục cắt giảm chi phí trong mọi hoạt động, đảm bảo hiệu quả SXKD ở mức cao nhất.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng Quản trị PVC tổng kết hoạt động kết quả hoạt động năm 2011 và phương hướng hoạt động trong nhiệm kỳ tới. Chúng tôi mong muốn các Quý Cổ đông sẽ đóng góp nhiều ý kiến thiết thực giúp Hội đồng Quản trị PVC nhiệm kỳ tới hoạt động ngày càng tốt hơn và có được chiến lược tốt nhất cho sự phát triển ổn định và bền vững của PVC.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


CHỦ TỊCH



Trịnh Xuân Thanh



PVC BÀO CAO THỰC ANH



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010  
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2011**



**P**rofessional **V**isionary **C**reative  
CHUYÊN NGHIỆP, TÂM NHÌN, SÁNG TẠO

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2012



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011

**Năm 2011**, tình hình kinh tế trong nước và thế giới diễn biến hết sức phức tạp, lạm phát trong nước tăng cao, thị trường tài chính tiến tụt, giá cả vật tư, nguyên vật liệu cũng như nhân công trong nước có nhiều biến động; Khủng hoảng kinh tế toàn cầu tác động mạnh mẽ đến Việt Nam và các doanh nghiệp xây dựng là một trong những nhóm đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm chế lạm phát, mặt khác việc điều chỉnh lãi suất tín dụng đã ảnh hưởng không nhỏ đến thu xếp vốn để triển khai dự án nên nhiều chủ đầu tư đã thực hiện dừng giãn tiến độ... do đó sản lượng, doanh thu, lợi nhuận không cao.

### **KHÁNG ĐỊNH SỨC MẠNH NỘI LỰC**

Năm 2011 vừa qua là một năm đầy thử thách đối với PVC và các đơn vị thành viên trong toàn Tổng Công ty. Là một đơn vị xây lắp đặc thù, với các công trình, dự án trải rộng trên cả nước, địa hình công trình phức tạp, điều kiện thi công khó khăn... đã ít nhiều gây trở ngại trong công tác chỉ đạo, điều hành và triển khai thi công tại các công trình. Mặt khác, tại một số dự án PVC phải gấp rút thực hiện theo tiến độ của Chủ đầu tư, khi bỏ thầu và khởi công chưa có thiết kế chi tiết hoặc thiết kế chi tiết thay đổi nhiều so với thiết kế cơ sở gây khó khăn trong quá trình triển khai thi công và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động SXKD của doanh nghiệp; Thị trường bất động sản giảm sút cùng với việc

thắt chặt tín dụng của Nhà nước ảnh hưởng tới việc huy động vốn, công tác kinh doanh và khả năng thanh toán của khách hàng, làm giảm doanh thu qua đó trực tiếp làm giảm lợi nhuận của các đơn vị kinh doanh bất động sản thuộc Tổng Công ty; Việc tăng giá xăng dầu, giá điện, giá các nguyên vật liệu; mức lương tối thiểu, cùng với lãi suất tín dụng tăng... dẫn đến tăng các chi phí đầu vào và giảm lợi nhuận. Đứng trước tình hình đó, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo và sự ủng hộ của Tập đoàn, sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và sự nỗ lực đoàn kết cố gắng của tập thể CBCNV, người lao động... Tổng Công ty PVC đã nỗ lực, cố gắng khắc phục khó khăn và tận dụng những lợi thế sẵn có, quyết tâm phấn đấu thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm 2011.

### **THI CÔNG AN TOÀN, XÂY LẬP CHẤT LƯỢNG**

Tổng Công ty đã tập trung chỉ đạo quyết liệt và nỗ lực phấn đấu nhằm đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ thi công các dự án, công trình. Hầu hết các công trình đều thi công đạt tiến độ đề ra, đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu của chủ đầu tư.

Trong năm 2011, PVC đã thực hiện khởi công nhiều công trình mới như: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Trung tâm Nhiệt điện Quảng Trạch 1, Tòa nhà trụ sở Agribank - Hoàng Quốc Việt, Ban quản lý 6 Cục đường bộ, Chế tạo chân đế giàn khoan RC6 và RC7 mở Nam Rồng - Đồi





### KÝ KẾT NHIỀU HỢP ĐỒNG KINH TẾ LỚN

Trong năm 2011, Công ty mẹ PVC đã trúng 9 gói thầu với tổng giá trị hơn 63.900 tỷ đồng, bao gồm: gói thầu Trụ sở Agribank chi nhánh Hoàng Quốc Việt, gói thầu EPC Cảng nhập than - Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1, gói thầu EPC Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, gói thầu Cung cấp lắp đặt M&E cho Nhà điều hành Ban QLDA 6, gói thầu Nạo vét cảng Nghi Sơn, gói thầu Cung cấp lắp đặt và hoàn thiện hệ thống nội thất Trụ sở văn phòng PVEP tại Hà Nội, gói thầu Thi công xây dựng khu nhà tạm điều hành Ban QLDA và hàng rào Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1, gói thầu EPC Nhà máy GPP2 (nhà máy GPP2, các trạm và các đường ống dẫn sản phẩm) thuộc dự án Đường ống Dẫn khí Nam Côn Sơn 2 - Phần trên bờ và gói thầu PC - Dự án Trung tâm điện lực Quảng Trạch 1.

Toàn Tổng công ty đã ký kết 102 hợp đồng kinh tế với Chủ đầu tư với tổng giá trị là: 65.609 tỷ đồng, trong đó, Công ty mẹ PVC ký được 08 Hợp đồng kinh tế lớn, với tổng giá trị trên 51.778 tỷ đồng và các đơn vị thành viên của PVC ký kết được 94 hợp đồng với giá trị trên 13.830 tỷ đồng trong đó có các gói thầu điển hình như: Trụ sở Agribank chi nhánh Hoàng Quốc Việt, EPC cảng nhập than - nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1, EPC nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, EPC dự án trung tâm Điện lực Quảng Trạch 1; Khối thượng tầng giàn đấu giếng H4 - Mỏ Tê Giác Trắng...

### TẬP TRUNG TĂNG VỐN ĐẦU TƯ

Tổng số vốn góp của PVC vào các doanh nghiệp khác tính đến hết năm 2011 là 3.439,3 tỷ đồng, trong đó: Góp vào các công ty chi phối là 2.252,2 tỷ đồng, công ty liên kết là 633,7 tỷ đồng và công ty khác là 553,4 tỷ đồng.

Thực hiện Nghị Quyết số 338/NQ-ĐHCEĐ-XLKD ngày 23/04/2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên PVC năm 2011 thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 2.500 tỷ đồng lên 5.000 tỷ đồng. Ngày 17/11/2011 PVC đã được UBCKNN chấp thuận tăng vốn điều lệ từ 2.500 tỷ đồng lên 5.000 tỷ đồng. Đến ngày 31/3/2012, PVC đã hoàn thành phương án tăng

vốn với số vốn điều lệ tăng thêm là 1.500 tỷ đồng; Tổng số vốn điều lệ của PVC tính đến thời điểm hiện tại là 4.000 tỷ đồng.

PVC cũng đã chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thành viên đủ điều kiện niêm yết trong năm 2011. Do điều kiện thị trường chưa thuận lợi nên trong năm 2011, chỉ có Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (mã chứng khoán PSG) thực hiện niêm yết thành công tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Các đơn vị khác gồm PVC-HN, PVC-Mekong và PVC-ME cũng đã nộp hồ sơ niêm yết cổ phiếu lên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Dự kiến sẽ thực hiện niêm yết khi điều kiện thị trường thuận lợi.

Công tác thu hồi vốn và công nợ cũng được PVC đặc biệt chú trọng. Tổng Giám đốc TCT đã trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc và kiểm điểm tình hình thu hồi vốn. Tại các đơn vị, công trình trọng điểm Tổng giám đốc giao nhiệm vụ cho 01 Phó Tổng giám đốc phụ trách đồng thời điều động nhân sự Tổng công ty xuống làm việc trực tiếp để kịp thời giải quyết các vướng mắc trong nghiệm thu thanh toán giữa nội bộ Tổng công ty và làm việc với Chủ đầu tư tháo gỡ các vướng mắc trong công tác nghiệm thu thanh toán.

Để thu xếp kịp thời nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh 2011, PVC đã phê duyệt kế hoạch hạn mức tín dụng năm 2011 là 3.900 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ là 700 tỷ đồng, kế hoạch hạn mức bảo lãnh là 1.979 tỷ đồng và trong đó Công ty mẹ là 769 tỷ đồng. Trên cơ sở đó đã thực hiện các khoản vay vốn tín dụng, bảo lãnh cho Công ty mẹ và các công ty con thu xếp kịp thời nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của toàn Tổng công ty.

Công tác kế toán và thuế của PVC luôn được thực hiện nghiêm túc và theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Định kỳ hoàn thành báo cáo tài chính Công ty mẹ, hợp nhất và thực hiện công bố thông tin đúng thời gian quy định. Kế khai thuế GTGT, TNCN hàng tháng, thuế TNDN hàng quý.



## ĐẨY MẠNH TỔ CHỨC, SẮP XẾP VÀ ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức Công ty Mẹ - Công ty con và hoàn thiện các văn bản quản lý nội bộ nhằm phát huy hiệu quả hoạt động của các bộ phận chức năng thuộc Công ty mẹ và các đơn vị thành viên; kiện toàn bộ máy điều hành công ty mẹ, tổ chức lại các Ban chuyên môn/Trung tâm, các Ban Điều hành dự án, Ban Quản lý dự án theo nhu cầu quản lý điều hành sản xuất kinh doanh. Trong năm, PVC đã thực hiện sắp xếp, phân loại và xây dựng nhóm các Đơn vị thành viên thực hiện theo chỉ đạo của Tập đoàn tại Thông báo số 1537/TB-DKVN ngày 31/5/2011. Theo đó, Tổng Công ty gồm 15 Công ty con và 13 Công ty liên kết, hoạt động tại các vùng, miền khác nhau trong các lĩnh vực hoạt động chính của PVC (Xây lắp, Sản xuất công nghiệp và Kinh doanh Bất động sản). Các đơn vị còn lại được PVC xếp vào nhóm các đơn vị đầu tư tài chính. Bên cạnh đó, PVC sẽ thực hiện cơ cấu lại các khoản mục đầu tư căn cứ vào tình hình thị trường, phù hợp với kế hoạch SXKD, đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Công tác nhân sự, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cũng được Tổng Công ty chú trọng phát triển. Tính đến hết năm 2011, số lao động của toàn Tổng công ty là 8.227 người, trong đó có 7 tiến sỹ, 128 thạc sỹ, 3.094 kỹ sư/cử nhân, 974 cán bộ cao đẳng/ trung cấp, 3.540 công nhân kỹ thuật và 484 lao động phổ thông. Việc trả lương cho CBCNV cơ quan Tổng công ty và các Ban ĐHDA/QLDA được Tổng công ty thực hiện trên nguyên tắc phân phối theo lợi

nhuận, năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, đồng thời khuyến khích CBCNV phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ theo công việc được giao. Đối với các đơn vị thành viên, thực hiện theo đúng quy chế trả lương, trả thưởng của đơn vị trên cơ sở đăng ký và được chấp thuận của Tổng công ty. Bảo đảm thực hiện chế độ chính sách cho người lao động, tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ...PVC cũng luôn đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Đến nay, toàn Tổng công ty có trên 480 lao động có chứng chỉ nghề đạt tiêu chuẩn quốc tế. Trong năm 2011, PVC cử 1.606 lượt cán bộ, công nhân viên và người lao động đi đào tạo với tổng kinh phí thực hiện trên 4,11 tỷ đồng. Chương trình đảm bảo sự phù hợp, tính thời sự và tổ chức thống nhất trong toàn tổ hợp PVC, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu về chuyên môn, thời lượng và tiết kiệm tối đa chi phí liên quan.

Công tác nghiên cứu khoa học bước đầu đã từng bước hình thành và phát triển tại Tổng công ty và các đơn vị, hướng tới mục tiêu trong giai đoạn phát triển mới 2012-2015 của Tổng công ty với vai trò khoa học công nghệ (KHCN) là nòng cốt, ứng dụng các thành tựu nghiên cứu vào hoạt động sản xuất kinh doanh, mang lại lợi ích kinh tế, góp phần tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD trong toàn Tổng công ty. Đề tài xây dựng "Giải pháp đột phá phát triển KHCN giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến 2025 của Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam" đã được HĐQT phê duyệt và đánh giá cao.





## **KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012**

**Năm 2011** với rất nhiều khó khăn đã qua đi. Tuy nhiên, năm 2012 cũng không được các chuyên gia kinh tế thế giới nhận định khả quan hơn. Điều đó cũng sẽ ảnh hưởng không ít tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của một đơn vị thuộc ngành xây dựng như PVC. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả sản xuất năm 2011 và kế hoạch 5 năm 2011-2015, Tổng công ty PVC đã đưa ra những kế hoạch sản xuất kinh doanh cụ thể với mong muốn nỗ lực đưa Tổng công ty tiếp tục vượt qua khó khăn, giữ vững đà phát triển.

Để thực hiện kế hoạch năm 2012 đòi hỏi sự phân đấu nỗ lực của toàn Tổng Công ty trong việc huy động mọi nguồn lực về tài chính, nhân lực, máy móc thiết bị, triển khai đồng bộ, có hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Những giải pháp cụ thể đã được Tổng công ty đề ra trong từng lĩnh vực công tác nhằm đưa Tổng công ty cán đích hoàn thành nhiệm vụ trong năm này.

### **1. CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ**

Cụ thể, trong công tác tổ chức và quản lý, Tổng công ty sẽ rà soát và điều chỉnh Kế hoạch 5 năm 2011-2015 và Chiến lược phát triển đến năm 2015, định hướng đến năm 2025. Đồng thời thực hiện công tác tái cấu trúc với các nội dung chính như: tập trung vào lĩnh vực xây lắp các công trình dầu khí trên bờ (Xây lắp các công trình đường ống, bể chứa dầu khí; Xây lắp các công trình lọc hóa dầu, vận chuyển, chế biến, tàng trữ dầu khí; Xây lắp các công trình nhà máy điện; Xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp khác của Tập đoàn); Tổ chức lại Công ty mẹ để trực tiếp thực hiện một số hoạt động SXKD của Tổng công ty, xác định số lượng các công ty con và chỉ đạo các công ty con chuyên môn hóa vào từng lĩnh vực SXKD phù hợp với chuỗi liên kết, ngành nghề kinh doanh của Công ty mẹ; Xây dựng lộ trình tái cấu trúc các đơn vị thành viên phù hợp với công tác tái cấu trúc PVC, kiên quyết thoái vốn đối với các đơn vị hoạt động kém hiệu quả làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của PVC; Xây dựng lộ

TT	Chỉ tiêu kinh tế	- VT	Tháng 1 năm 2011	Khoảng 1 năm 2012	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ lệ %	12,669.66	15,500.00	122.34
2	Tổng doanh thu	Tỷ lệ %	9,671.07	12,500.00	129.25
	- Tổng doanh thu Công ty mẹ	Tỷ lệ %	3,936.42	6,500.00	165.12
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ lệ %	379.47	1,258.00	331.52
	- Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ	Tỷ lệ %	203.88	698.00	342.36
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ lệ %	299.40	1,015.00	339.01
	- Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	Tỷ lệ %	207.03	548.00	264.70
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%		-	10
6	Nộp Ngân sách Nhà nước (sinh lợi)	Tỷ lệ %	583.64	636.00	108.97
7	Gia nhập (Công ty mẹ)	Tỷ lệ %	20.44	401.40	1963.80
8	Thu nhập bình quân/người tham gia	Tr. - %	8.95	9.50	106.15

trình, giải pháp thoái vốn đối với các đơn vị kinh doanh bất động sản mà PVC đã đầu tư. Cùng với đó, Tổng công ty cũng tiếp tục kiện toàn cán bộ lãnh đạo cho các đơn vị, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành tại các đơn vị thành viên, tăng cường công tác kiểm soát và quản lý đối với người đại diện phần vốn, quản lý hiệu quả việc sử dụng vốn tại các đơn vị thành viên.

## **2. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THI CÔNG TẠI CÁC CÔNG TRÌNH**

Tại các công trình, PVC tập trung chỉ đạo điều hành, quản lý, thực hiện các giải pháp kỹ thuật,... để bù lại tiến độ phần bị chậm tiến độ của các công trình trong thời gian sớm nhất. Đối với các dự án khác phải duy trì tiến độ, chất lượng theo cam kết trong hợp đồng; nâng cao trách nhiệm của các đơn vị thành viên; tăng cường bộ máy giám sát về chất lượng và tiến độ của Tổng công ty tại các công trình. Tổng công ty cũng sẽ tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý thi công các công trình thông qua việc ứng dụng các phần mềm quản lý dự án (CPM), xây dựng Nhật ký công trình điện tử.... nhằm quản lý tình hình thi công các công trình một cách khoa học, cập nhật thông tin một cách kịp thời, chính xác để có biện pháp chỉ đạo kịp thời. Việc triển khai đồng bộ hệ thống ISO 9001:2008 trong toàn Tổng công ty, chuẩn hoá các quy trình, quy định về quản lý, tổ chức thi công, tổ chức công trường, chuẩn hoá đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân,... và hệ thống quản lý sức khỏe an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007 tại các dự án tiếp tục được đồn đốc thực hiện.

## **3. CÔNG TÁC ĐẦU THẦU VÀ HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

Trong công tác đấu thầu và hợp đồng kinh tế, Tổng công ty bám sát kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư của Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc Tập đoàn trong giai đoạn 2010-2015 và tiếp cận thông tin từ các chủ đầu tư khác để đẩy mạnh thực hiện công tác tiếp thị, đấu thầu. Đồng thời, Tổng công ty cũng đẩy mạnh công

tác tiếp thị, từng bước mở rộng thị trường ngoài ngành. Dự kiến năm 2012, PVC sẽ tham gia tiếp thị đấu thầu 22 gói thầu với tổng giá trị dự kiến là 16.035 tỷ đồng và 145 triệu đô la Mỹ.

## **4. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THU XẾP VÀ QUẢN LÝ VỐN**

Theo lộ trình đã đề ra, năm 2012, Tổng công ty đã tăng vốn điều lệ thành công lên 4.000 tỷ đồng. Với nguồn vốn này và các nguồn vốn khác, PVC sẽ sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả kinh tế; xây dựng và kiểm soát kế hoạch chi phí của Tổng công ty; giám sát chặt chẽ công tác quản lý tài chính kế toán và sử dụng chi phí từ Công ty Mẹ đến các Ban điều hành/Ban quản lý dự án, các đơn vị thành viên nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Tổng công ty. Để đảm bảo phục vụ kịp thời nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư XD/CB của Tổng công ty năm 2012, đầu tư máy móc thiết bị phục vụ các dự án lớn của Tổng Công ty như: EPC Nhà máy nhiệt điện Thái Bình, EPC Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch, Toppide H4 Mỏ Tê Giác Trắng, Nam Côn Sơn 2, Toppide và Chân đế giàn Mèo Trắng, Chân đế E1A mỏ Rạng Đông, Đường ống dẫn khí Lô B Ô Môn, Trung tâm điện lực Long Phú và Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1... Tổng công ty cũng đảm bảo thu xếp và huy động các nguồn vốn kịp thời. Bên cạnh đó, nhằm huy động vốn đáp ứng tối đa cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của các đơn vị cũng như toàn Tổng công ty, PVC cũng tiếp tục chỉ đạo và hỗ trợ các công ty con, công ty liên kết đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch niêm yết cổ phiếu lên sàn chứng khoán. Hạn mức tín dụng tại các đơn vị thành viên đã được phân cấp, thu phí bảo lãnh tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ; công tác nghiệm thu, thanh quyết toán được đẩy mạnh; các khoản công nợ dầy dụa, khó đòi được rà soát và giải quyết dứt điểm.

## **5. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ; ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC; KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

Bên cạnh các công tác này, công tác đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công tiên tiến hiện đại, chuyên ngành, phục vụ thi công các

công trình thượng nguồn, cơ sở hạ tầng, công trình dầu khí cũng được đẩy mạnh. Đặc biệt, trong đó có việc tiếp tục hoàn tất các thủ tục để PVC làm Chủ đầu tư dự án Tháp Dầu khí và dự án Trung tâm kỹ thuật đa ngành Nga. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cũng được Tổng công ty đặc biệt chú trọng với việc lập quy hoạch tuyển dụng; đào tạo CBCNV theo yêu cầu SXKD của Tổng Công ty. Thực hiện chương trình đào tạo đội ngũ giám đốc/chuyên gia trong điều hành các dự án/công trình trọng điểm, tổng thầu EPC. Tiếp tục triển khai công tác tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại để xây dựng đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, có trình độ cao, đạt đẳng cấp khu vực và quốc tế. Cùng với đó là việc thường xuyên cập nhật và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại, thu hút và đào tạo chuyên gia, cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn cao, nghiên cứu và đưa ra biện pháp thi công hợp lý nhằm tiết kiệm tối đa chi phí, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế.

#### **6. CÔNG TÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH VÀ AN SINH XÃ HỘI**

Song song với hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng công ty cũng đảm bảo thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động; Đảm bảo tốt chính sách tiền lương, thu nhập bình quân năm 2012 là 9,5 triệu đồng/người/tháng. Tăng cường công tác đảm

bảo an sinh xã hội đối với cán bộ công nhân viên và người lao động. Không ngừng cải thiện điều kiện sống, điều kiện làm việc của toàn thể CBCNV đặc biệt đối với những cán bộ công nhân làm việc trên các công trường. Công tác an sinh xã hội tiếp tục được triển khai với dự kiến tổng số tiền thực hiện công tác an sinh xã hội trong năm 2012 là 25 tỷ đồng.

Với những định hướng trọng tâm và mục tiêu chủ yếu đã được đề ra, mặc dù điều kiện nền kinh tế trong nước và thế giới còn nhiều khó khăn và thách thức, nhưng bằng sự nỗ lực, đoàn kết, tinh thần trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và CBCNV PVC, đặc biệt là sự quan tâm ủng hộ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam sẽ quyết tâm phấn đấu hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra trong năm 2012.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



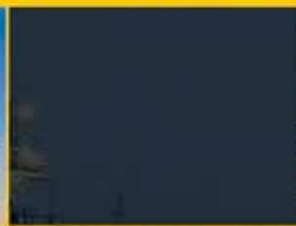
**VŨ ĐỨC THUẬN**





TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

»» 2011



Professional Visionary Creative  
CHUYÊN NGHIỆP, TÂM NHÌN, SÁNG TẠO

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng,  
huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

**MỤC LỤC**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	33-34
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	35-36
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	37-40
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	41
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIẾN TỆ HỢP NHẤT	42-43
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	44- 90



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Xuân Thanh	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên
Ông Bùi Tiến Thành	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2011)
Ông Lê Hồng Thái	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2011)
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2011)
Bà Nguyễn Việt Nga	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2011)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Đức Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2011)
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 8 tháng 7 năm 2011)
Ông Trương Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 8 tháng 7 năm 2011)
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 5 tháng 01 năm 2011)
Ông Nguyễn Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2011)
Ông Nguyễn Xuân Ánh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 9 năm 2011, miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2011)
Ông Nguyễn Huy Hòa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2011)
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2011)
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2011, miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2011)
Ông Chu Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2011)
Ông Phạm Hữu Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2011)
Ông Lý Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2011)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:


- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc

*Trương Quốc Dũng*

Ngày 09 tháng 4 năm 2012

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY LẬP DẦU KHÍ  
VIỆT NAM

Số: *1308* /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), từ trang 5 đến trang 58. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

# Deloitte.

## Ý kiến (Tiếp theo)

*Chúng tôi xin lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất đến vấn đề sau:*

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD. Tổng Công ty đã thực hiện một phần giá trị hợp đồng và đã ký hợp đồng giao thầu cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC Hà Nội) tiếp tục thực hiện phần giá trị còn lại của công trình với giá trị là 43.291.007 USD. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, PVC Hà Nội đang trong quá trình tiếp tục thực hiện dự án này. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc “Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc”, tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tính đến thời điểm kiểm toán, các bên liên quan chưa thống nhất và ký chính thức phụ lục hợp đồng về giá trị bổ sung của công trình. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn nói trên.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày tại Thuyết minh số 4.



**Phạm Hoài Nam**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 09 tháng 4 năm 2012*  
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*



**Phạm Quỳnh Hoa**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0910/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>9.953.101.356.017</b>	<b>7.784.691.074.575</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>784.019.160.576</b>	<b>1.521.462.242.415</b>
1. Tiền	111		337.334.359.117	752.577.242.415
2. Các khoản tương đương tiền	112		446.684.801.459	768.885.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7</b>	<b>128.651.936.567</b>	<b>512.121.623.382</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		136.435.298.567	542.079.662.558
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7.783.362.000)	(29.958.039.176)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.458.493.782.081</b>	<b>3.843.648.175.921</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1.198.568.833.125	1.335.726.743.034
2. Trả trước cho người bán	132		1.646.157.870.732	1.364.586.771.573
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		489.592.705.911	324.231.456.035
4. Các khoản phải thu khác	135	8	1.180.493.888.520	865.252.016.772
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(56.319.516.207)	(46.148.811.493)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>4.105.522.771.913</b>	<b>1.653.077.199.979</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.105.522.771.913	1.655.636.586.082
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(2.559.386.103)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>476.413.704.880</b>	<b>254.381.832.878</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		55.391.054.366	10.177.342.170
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		217.155.964.362	115.916.645.701
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		31.814.303.519	836.582.896
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	172.052.382.633	127.451.262.111

*Các thuyết minh từ trang 44 đến trang 90 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011*
**MÃ SỐ B 01-DN/HN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260+269)	<b>200</b>		<b>6.917.162.593.889</b>	<b>4.663.078.047.910</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.366.677.204</b>	<b>4.924.138.051</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		5.366.677.204	4.924.138.051
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.082.861.588.218</b>	<b>1.881.129.076.939</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.540.696.048.226	634.403.109.549
- Nguyên giá	222		1.897.000.093.049	875.582.902.998
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(356.304.044.823)	(241.179.793.449)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	118.907.890.153	49.303.514.694
- Nguyên giá	225		133.924.294.023	52.282.269.412
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(15.016.403.870)	(2.978.754.718)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	190.029.536.027	112.496.607.935
- Nguyên giá	228		194.453.743.716	114.117.020.672
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.424.207.689)	(1.620.412.737)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	2.233.228.113.812	1.084.925.844.761
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>15</b>	<b>124.352.195.092</b>	<b>181.591.372.527</b>
- Nguyên giá	241		129.031.872.071	183.265.880.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(4.679.676.979)	(1.674.507.473)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.054.392.635.250</b>	<b>1.963.096.365.056</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	840.595.735.118	1.030.869.361.138
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	253		13.801.292.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	18	1.199.995.608.132	934.555.435.319
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(2.328.431.401)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>594.107.805.951</b>	<b>565.036.158.383</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	19	405.622.675.582	500.424.809.171
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	79.907.681.608	21.706.064.478
3. Tài sản dài hạn khác	268		108.577.448.761	42.905.284.734
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>21</b>	<b>56.081.692.174</b>	<b>67.300.936.954</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>16.870.263.949.906</b>	<b>12.447.769.122.485</b>

*Các thuyết minh từ trang 44 đến trang 90 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>11.187.350.920.784</b>	<b>7.617.308.073.726</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.620.850.511.387</b>	<b>6.799.694.215.437</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	22	3.367.649.005.244	2.825.257.446.474
2. Phải trả người bán	312		1.572.474.582.937	1.397.432.563.849
3. Người mua trả tiền trước	313		2.857.638.421.621	1.317.226.709.025
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	23	78.332.292.833	138.493.444.565
5. Phải trả người lao động	315		122.372.904.149	154.033.862.547
6. Chi phí phải trả	316	24	635.089.912.793	263.639.766.467
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	25	976.265.035.928	694.873.341.600
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		11.028.355.882	8.737.080.910
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.566.500.409.397</b>	<b>817.613.858.289</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		44.945.118.609	123.448.835.752
2. Vay và nợ dài hạn	334	26	1.443.359.529.617	602.890.306.876
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	20	87.821.588	14.665.844.638
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.390.052.368	1.923.490.485
5. Dự phòng phải trả dài hạn	337		18.347.500.476	20.676.087.565
6. Doanh thu chưa thực hiện	338		57.370.386.739	54.009.292.973
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>2.971.744.237.332</b>	<b>2.864.974.803.887</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	27	<b>2.971.744.237.332</b>	<b>2.864.974.803.887</b>
1. Vốn điều lệ	411		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.144.268.326	2.784.109.156
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.063.276.244	3.063.276.244
4. Cổ phiếu quỹ	414		(6.543.182.595)	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(19.115.598.973)	(15.676.965.928)
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		63.033.272.801	28.447.405.122
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		52.675.506.824	19.133.566.885
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.028.121.130	544.719.133
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		370.458.573.575	326.678.693.275
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>2.711.168.791.790</b>	<b>1.965.486.244.872</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>16.870.263.949.906</b>	<b>12.447.769.122.485</b>

*Các thuyết minh từ trang 44 đến trang 90 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011*

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kết toán

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2011	31/12/2010
1. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	9.716.217.233	9.716.217.233
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	VND	-	51.156.113
3. Ngoại tệ các loại:			
- USD	USD	98.534	845.697
- EUR	EUR	8	8



*[Signature]*  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
**Tổng Giám đốc**  
*Trương Quốc Dũng*  
Ngày 09 tháng 4 năm 2012

*[Signature]*  
**Phạm Tiến Đạt**  
**Kế toán trưởng**

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>9.286.993.703.290</b>	<b>7.297.822.551.714</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		32.203.459.541	2.217.402.354
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	<b>10</b>	<b>29</b>	<b>9.254.790.243.749</b>	<b>7.295.605.149.360</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	8.199.823.806.527	6.283.536.600.817
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>1.054.966.437.222</b>	<b>1.012.068.548.543</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	312.374.875.815	388.839.357.437
7. Chi phí tài chính	22	32	311.336.552.456	161.041.569.311
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>309.196.702.270</i>	<i>114.058.654.438</i>
8. Chi phí bán hàng	24		19.041.370.752	9.374.897.805
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		719.150.003.477	554.237.337.511
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>317.813.386.352</b>	<b>676.254.101.353</b>
11. Thu nhập khác	31		76.843.475.879	188.957.445.926
12. Chi phí khác	32		42.255.739.373	50.706.736.869
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>34.587.736.506</b>	<b>138.250.709.057</b>
14. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	45		27.065.080.516	73.473.942.009
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>379.466.203.374</b>	<b>887.978.752.419</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	152.845.833.354	206.842.127.865
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	33	(72.779.640.180)	(5.239.733.325)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>299.400.010.200</b>	<b>686.376.357.879</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		103.428.110.039	155.747.602.032
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		195.971.900.161	530.628.755.847
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	784	2.626



CHỖ TÓNG GIÁM ĐỐC

**Tổng Giám đốc**

*Trương Quốc Dũng*

Ngày 09 tháng 4 năm 2012

*Phạm Tiên Đạt*

**Phạm Tiên Đạt  
Kế toán trưởng**

*Các thuyết minh từ trang 44 đến trang 90 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất*



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011*
**MẪU SỐ B 03-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<b>01</b>	<b>379.466.203.374</b>	<b>887.978.752.419</b>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	144.837.175.121	90.247.912.447
Các khoản dự phòng	03	(16.425.228.083)	60.754.208.558
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(1.184.993.047)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(288.245.952.554)	(362.099.963.726)
Chi phí lãi vay	06	309.196.702.270	114.058.654.438
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<b>08</b>	<b>528.828.900.128</b>	<b>789.754.571.089</b>
(Tăng) các khoản phải thu	09	(495.136.150.856)	(694.091.136.078)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(1.961.595.257.769)	(513.396.066.885)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.052.839.490.830	2.102.611.101.190
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản khác	12	(10.485.646.617)	(202.764.167.420)
Tiền lãi vay đã trả	13	(419.788.442.776)	(150.183.162.293)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	127.356.136.745	(175.568.739.787)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	188.470.887.335	47.523.318.719
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(112.747.855.257)	(38.693.809.784)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>	<b>(1.102.257.938.237)</b>	<b>1.165.191.908.751</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.479.062.876.823)	(1.246.169.559.400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	222.561.902.936	34.266.956.392
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(883.000.000.000)	(471.232.528.890)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.030.563.411.212	280.207.507.439
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(32.571.100.842)	(1.892.160.443.738)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	73.439.206.947
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	160.660.942.333	253.052.331.620
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>(980.847.721.184)</b>	<b>(2.968.596.529.630)</b>

Các thuyết minh từ trang 44 đến trang 90 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông	31	-	1.002.784.109.156
2. Tiền mua lại cổ phiếu của đã phát hành	32	(18.305.601.139)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	6.341.963.509.991	4.108.357.573.913
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.960.236.765.050)	(1.860.599.180.173)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(17.758.566.220)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	-	(400.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>1.345.662.577.582</b>	<b>2.850.542.502.896</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>	<b>(737.443.081.839)</b>	<b>1.047.137.882.017</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.521.462.242.415</b>	<b>474.324.360.398</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b> (70 = 50+60)	<b>70</b>	<b>784.019.160.576</b>	<b>1.521.462.242.415</b>

### Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 385.623.161.692 VND (năm 2010 là 437.197.219.245 VND), là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 4 năm 2012

PHỤ TỔNG GIÁM ĐỐC

*Trương Quốc Dũng*

Phạm Tiến Đạt  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 44 đến trang 90 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam, tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 532/QĐ-TTCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này là 150.000.000.000 VND, trong đó vốn Nhà nước là 135.051.750.000 VND, chiếm 90,03%.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PetroVietnam”) đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 ngày 5 tháng 7 năm 2010.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PVX.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 ngày 5 tháng 7 năm 2010, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 2.500.000.000.000 VND, được chia thành 250.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 1.030.222.220.000 VND, chiếm 41,21%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 10.023 người (31 tháng 12 năm 2010: 8.845 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là xây lắp và kinh doanh bất động sản.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

#### Kỷ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 37.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC**

Theo Quyết định số 08a/TTr-TCKT ngày 02 tháng 02 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) đã thay đổi chính sách ghi nhận doanh thu và giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”. Theo đó, doanh thu và giá vốn bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang cho người mua.

Theo đó, Ban Giám đốc PVC-Petroland quyết định áp dụng việc thay đổi chính sách nêu trên cho báo cáo tài chính hợp nhất của PVC-Petroland cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và trình bày lại báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 để điều chỉnh các ảnh hưởng liên quan đến những thay đổi trong chính sách kế toán phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 - “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót”. Trong năm 2010, PVC-Petroland (Công ty con) là công ty liên kết của Tổng Công ty với tên gọi là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland) và tỷ lệ sở hữu là 30,4%. Ảnh hưởng chi tiết của việc trình bày lại số liệu đến các khoản mục của báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã công bố năm trước như sau:

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Số trước điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND	Chênh lệch VND
Phần lãi trong công ty liên kết	129.399.588.294	73.473.942.009	(55.925.646.285)
Lợi nhuận trước thuế	943.904.398.704	887.978.752.419	(55.925.646.285)
Lợi nhuận sau thuế	742.302.004.165	686.376.357.879	(55.925.646.286)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	586.554.402.133	530.628.755.847	(55.925.646.286)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.903	2.626	(277)

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Số trước điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND	Chênh lệch VND
Đầu tư vào công ty liên kết	1.086.795.007.423	1.030.869.361.138	(55.925.646.285)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	382.604.339.560	326.678.693.275	(55.925.646.285)

11/01/2012  
 G M I N

## **5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.



**5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm 2011</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản khác	3 - 7

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<b>Năm 2011</b>
	<b>Số năm</b>
Máy móc, thiết bị	8 - 12
Phương tiện vận tải	3 - 10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

**Quyền sử dụng đất**

Giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

**Phần mềm máy tính và chi phí xây dựng trang web**

Giá trị phần mềm máy tính và chi phí xây dựng trang web được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính và chi phí xây dựng trang web được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 20 năm. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng, chi phí phân bổ giàn giáo cốp pha, lợi thế kinh doanh, các khoản trả trước về chi phí bán căn hộ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giàn giáo cốp pha được trình bày theo nguyên giá trừ đi phần giá trị đã phân bổ lũy kế. Giàn giáo, cốp pha được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 6,5 năm.

Các khoản trả trước về chi phí bán căn hộ qua Sàn giao dịch Bất động sản - Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam (Dự án PetroVietnam Landmark tại phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh) được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ doanh thu được ghi nhận trong năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

11/11/2011 10:11:11 AM

**5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hợp đồng xây dựng (Tiếp theo)**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS 10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tăng 19.115.598.973 VND (năm 2010: 0 VND) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS 10.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	34.001.558.365	17.929.185.302
Tiền gửi ngân hàng	303.332.800.752	734.648.057.113
Các khoản tương đương tiền (i)	446.684.801.459	768.885.000.000
	<u><b>784.019.160.576</b></u>	<u><b>1.521.462.242.415</b></u>

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng tại các ngân hàng thương mại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	136.435.298.567	542.079.662.558
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(7.783.362.000)	(29.958.039.176)
	<u><b>128.651.936.567</b></u>	<u><b>512.121.623.382</b></u>

(i) Đầu tư ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 thể hiện các khoản đầu tư vào các công ty sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	-	34.318.113.699
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí (PVE)	-	16.497.220.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Worleyparsons Dầu khí Việt Nam	-	1.120.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí (PVID)	-	50.843.200.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác cảng Phước An (PAP)	-	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	-	53.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (PVSB)	-	118.510.550.000
Công ty Cổ phần Đầu tư PV-Inconess	6.936.563.433	-
Cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành vay (thời hạn cho vay 3 tháng)	80.000.000.000	-
Góp vốn đầu tư Khu đô thị Dầu khí Sông Hồng	27.500.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	21.998.735.134	67.790.578.859
	<u><b>136.435.298.567</b></u>	<u><b>542.079.662.558</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**
**MÃ SỐ B 09-DN/HN**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*
**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí (IDICO Long Sơn) (i)	101.620.000.000	304.707.415.833
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN)	139.235.260.203	140.660.487.797
Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC) (ii)	96.503.070.995	97.232.849.077
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland)	-	60.874.469.227
Tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVCR)	-	48.124.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) (iii)	40.677.599.566	40.814.222.268
Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam (PVFC Land)	-	35.214.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (iv)	200.000.000.000	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas) (v)	120.000.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) (vi)	113.850.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	16.220.000.000	-
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam (PV EIC) (vii)	26.179.097.064	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	326.208.860.692	137.623.772.570
	<b><u>1.180.493.888.520</u></b>	<b><u>865.252.016.772</u></b>

- (i) Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí (IDICO Long Sơn) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, mục đích để IDICO Long Sơn nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt.
- (ii) Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, mục đích để PVNC nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12/9 và khoản tiền nhận chuyển nhượng cổ phần của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12/9.
- (iii) Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, mục đích để PVC-SG nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng.
- (iv) Khoản tiền 200 tỷ VND Tổng Công ty hỗ trợ cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh trong thời gian Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh tăng vốn theo Hợp đồng tín dụng số 603/2011 HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)**

- (v) Khoản tiền phải thu Tổng Công ty Khí Việt Nam-Công ty Cổ phần (PVGas) bao gồm 40 tỷ VND phải thu từ việc PVC-IC (Công ty con của Tổng Công ty) bán cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí (PVID) theo Hợp đồng số 297/2011/PVGAS/TC - PVC IC/D4 ngày 07 tháng 11 năm 2011 và 80 tỷ VND phải thu từ việc PVC MS (Công ty con của Tổng Công ty) chuyển quyền sở hữu 10 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí (PV PIPE) theo Hợp đồng chuyển quyền sở hữu cổ phần số 298/2011/PVGAS/TC-PVCMS/D4 ngày 07 tháng 11 năm 2011.
- (vi) Khoản tiền phải thu Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) liên quan đến việc PTSC nhận chuyển nhượng 11,3 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình từ Tổng Công ty.
- (vii) Khoản tiền phải thu Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam (PV EIC) từ việc bán cổ phần Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí (PV Machino) theo Hợp đồng số 40/HĐ-PVC-PVEIC ngày 03 tháng 6 năm 2011.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	73.777.379.505	83.552.463.680
Công cụ, dụng cụ	7.552.512.615	4.347.035.628
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	3.859.129.491.556	1.386.863.387.694
Thành phẩm	99.445.944.580	32.791.124.230
Hàng hóa	13.648.761.143	145.162.818.659
Hàng gửi đi bán	-	2.919.756.191
Hàng hóa bất động sản (**)	51.968.682.514	-
	<b>4.105.522.771.913</b>	<b>1.655.636.586.082</b>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(2.559.386.103)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>4.105.522.771.913</b>	<b>1.653.077.199.979</b>

(\*) Trong giá trị chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm khoảng hơn 828 tỷ đồng là quyền sử dụng đất và giá trị đầu tư của Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01 phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh và Dự án Chung cư Petroland quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Như trình bày tại Thuyết minh số 26, PVC-Petroland (Công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đầu tư của các dự án này để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư hàng hóa bất động sản thể hiện nguyên giá của các căn hộ chung cư chờ bán nằm trong Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2, Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thới Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu của PVC-MS (Công ty con của Tổng Công ty) và giá trị của 01 căn hộ chung cư Hoàng Thấp mà Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) đã nhận bàn giao từ bên bán và nắm giữ cho mục đích bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng, giá gốc của hàng hóa bất động sản thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được nên không trích lập dự phòng giảm giá cho hàng hóa bất động sản.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	158.958.823.351	93.620.100.057
Các khoản cầm cố, ký quỹ ký cược ngắn hạn	12.973.535.022	33.617.693.743
Tài sản thiếu chờ xử lý	66.924.260	213.468.311
Tài sản ngắn hạn khác	53.100.000	-
	<b>172.052.382.633</b>	<b>127.451.262.111</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

**II. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2011	93.261.555.019	501.401.608.461	222.030.228.502	55.553.865.207	3.335.645.809	875.582.902.998
Tăng do mua sắm	2.743.170.183	157.749.056.662	36.366.442.571	17.023.885.365	209.747.209	214.092.301.990
Xây dựng cơ bản hoàn thành	715.772.289.041	86.540.670.905	-	-	-	802.312.959.946
Tăng do hợp nhất các công ty con (i)	30.304.878.082	1.821.395.078	12.562.459.400	4.288.965.176	188.394.953	49.166.092.689
Thanh lý, nhượng bán	(581.759.000)	(1.698.189.588)	(13.396.114.543)	(1.957.814.072)	-	(17.633.877.203)
Giảm do thoái vốn tại/thanh lý công ty con (ii)	(7.838.686.393)	(104.326.906)	(11.752.303.479)	(3.858.442.343)	(16.747.400)	(23.570.506.521)
Tăng/(Giảm) khác	(5.830.961.098)	(66.519.272)	(189.496.795)	3.137.196.315	-	(2.949.780.850)
Phân loại lại	-	3.028.760.000	(3.028.760.000)	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>827.830.485.834</b>	<b>748.672.455.340</b>	<b>242.592.455.656</b>	<b>74.187.655.648</b>	<b>3.717.040.571</b>	<b>1.897.000.093.049</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2011	14.593.150.276	133.995.059.876	68.162.999.230	22.234.852.568	2.193.731.499	241.179.793.449
Trích khấu hao trong năm	9.969.992.929	70.505.237.304	32.016.099.309	13.949.872.173	452.890.679	126.894.092.394
Tăng do hợp nhất các công ty con (i)	1.814.774.652	21.071.238	4.386.617.953	2.125.926.480	-	8.348.390.323
Thanh lý, nhượng bán	(339.970.803)	(1.231.960.331)	(6.047.892.841)	(1.494.394.644)	-	(9.114.218.619)
Giảm do thoái vốn tại/thanh lý công ty con (ii)	(1.854.710.121)	(83.411.723)	(6.314.712.415)	(2.139.420.624)	(16.747.400)	(10.409.002.283)
Giảm khác	(1.183.937.183)	(40.490.617)	(116.768.392)	746.185.751	-	(595.010.441)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>22.999.299.750</b>	<b>203.165.505.747</b>	<b>92.086.342.844</b>	<b>35.423.021.704</b>	<b>2.629.874.778</b>	<b>356.304.044.823</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2011	804.831.186.084	545.506.949.593	150.506.112.812	38.764.633.944	1.087.165.793	1.540.696.048.226
Tại ngày 31/12/2010	78.668.404.743	367.406.548.585	153.867.229.272	33.319.012.639	1.141.914.310	634.403.109.549

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

(i) Trong năm, PVC-Thái Bình, PVC-Đông Đô, PVC-Petroland là công ty con của Tổng Công ty.

(ii) Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí (PV PIPE) và Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí (PV Machino) không còn là công ty con của Tổng Công ty tương ứng từ ngày 22 tháng 6 năm 2011 và ngày 29 tháng 6 năm 2011.

Tổng Công ty đã thế chấp một số máy móc, thiết bị có tổng nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 353.324.974.277 VND (31 tháng 12 năm 2010 là 208.309.033.935 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với giá trị là 53.026.153.367 VND (31 tháng 12 năm 2010 là 17.375.833.294 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, PVC-MS (Công ty con của Tổng Công ty) có 2 dự án xây dựng cơ bản đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng chưa quyết toán như sau:

- Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí tại Khu căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai Bến Đình, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nguyên giá tạm tính là 531.281.405.281 VND (trong đó, chi phí lãi vay được vốn hóa trong năm 2011 là 16.266.016.395 VND; lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 16.266.016.395 VND), được đưa vào sử dụng vào ngày 30 tháng 11 năm 2011.

- Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2, Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nguyên giá tạm tính là 81.436.234.560 VND (trong đó, chi phí lãi vay được vốn hóa trong năm 2011 là 8.582.141.230 VND; lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 9.257.956.578 VND), được đưa vào sử dụng vào ngày 30 tháng 7 năm 2011.

Ban Giám đốc PVC-MS tạm tính nguyên giá của 2 dự án này trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán được phê duyệt sau này.

50  
G  
M  
H  
I  
T  
N  
A  
T

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2011	41.239.045.817	11.043.223.595	52.282.269.412
Thuê tài chính trong năm	40.667.531.353	40.974.493.258	81.642.024.611
Phân loại lại	(5.154.773.557)	5.154.773.557	-
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>76.751.803.613</b>	<b>57.172.490.410</b>	<b>133.924.294.023</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2011	1.622.354.527	1.356.400.191	2.978.754.718
Khấu hao trong năm	8.394.943.289	3.642.705.863	12.037.649.152
Phân loại lại	69.902.095	(69.902.095)	-
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>10.087.199.911</b>	<b>4.929.203.959</b>	<b>15.016.403.870</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2011	<b>66.664.603.702</b>	<b>52.243.286.451</b>	<b>118.907.890.153</b>
Tại ngày 31/12/2010	<b>39.616.691.290</b>	<b>9.686.823.404</b>	<b>49.303.514.694</b>

KINH DOANH

CÔNG TY CỔ PHẦN  
YÊN ƯƠNG  
30/11/2011  
31/12/2011  
31/12/2010

PVC - BÁO CÁO THƯƠNG NIÊN 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	108.881.984.715	25.000.000	5.187.411.270	22.624.687	114.117.020.672
Tăng do mua sắm	-	-	5.499.848.104	51.475.000	5.551.323.104
Thay đổi do hợp nhất các công ty con (i)	73.874.097.639	-	293.614.000	75.000.000	74.242.711.639
Giảm khác	1.401.824.311	-	19.642.857	-	1.421.467.168
Giảm do thanh lý công ty con (ii)	-	-	(779.329.180)	(74.099.687)	(853.428.867)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(25.350.000)	-	(25.350.000)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>184.157.906.665</b>	<b>25.000.000</b>	<b>10.195.837.051</b>	<b>75.000.000</b>	<b>194.453.743.716</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	798.984.700	3.063.333	795.740.017	22.624.687	1.620.412.737
Khấu hao trong năm	450.393.940	7.898.438	2.327.305.498	20.631.464	2.806.229.340
Thay đổi do hợp nhất các công ty con (i)	-	-	120.470.628	25.604.847	146.075.475
Giảm khác	-	-	(3.700.004)	-	(3.700.004)
Giảm do thanh lý công ty con (ii)	-	-	(118.717.339)	(22.624.687)	(141.342.026)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.467.833)	-	(3.467.833)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>1.249.378.640</b>	<b>10.961.771</b>	<b>3.117.630.967</b>	<b>46.236.311</b>	<b>4.424.207.689</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2011	182.908.528.025	14.038.229	7.078.206.084	28.763.689	190.029.536.027
Tại ngày 31/12/2010	108.083.000.015	21.936.667	4.391.671.253	-	112.496.607.935

(i) Trong năm, PVC-Thái Bình, PVC-Đông Đô, PVC-Petroland là công ty con của Tổng Công ty.

(ii) Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí (PV PIPE) và Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu khí (PV Machino) không còn là công ty con của Tổng Công ty tương ứng từ ngày 22 tháng 6 năm 2011 và ngày 29 tháng 6 năm 2011.

PVC-MS - Công ty con của Tổng Công ty có quyền sử dụng 1.218 m<sup>2</sup> đất lâu dài và 307,6 m<sup>2</sup> đất với thời hạn sử dụng là 34 năm tại ấp Gò Lức, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang và 3.570,9 m<sup>2</sup> đất với thời hạn sử dụng là 32 năm tại số 2, Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

PVC-IC - Công ty con của Tổng Công ty có quyền sử dụng với thời hạn sử dụng là 50 năm thửa đất số 11 tại đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích là 5.104,4 m<sup>2</sup>; thửa đất số 10 và 215 đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích là 8.070,6 m<sup>2</sup> và thửa đất số 108 tại 242 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích là 4.011,7 m<sup>2</sup>. Trong năm, PVC-IC chỉ thực hiện trích khấu hao cho diện tích đất sử dụng làm trụ sở Công ty với nguyên giá ước tính khoảng 1,6 tỷ VND. PVC-IC không thực hiện khấu hao đối với diện tích còn lại do có kế hoạch đầu tư xây dựng các khu phức hợp Thương mại dịch vụ, Văn phòng cho thuê, căn hộ... để kinh doanh.

PVC-Mekong - Công ty con của Tổng Công ty có quyền sử dụng 635,8 m<sup>2</sup> đất lâu dài tại số 131 Trần Hưng Đạo, phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 166526 cấp ngày 11 tháng 8 năm 2010. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
- Dự án CT10-11 Văn Phú (i)	496.505.644.996	392.004.404.065
- Nhà máy Chế tạo ống thép tại Khu công nghiệp và dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang (ii)	97.208.781.818	92.198.400.000
- Dự án khách sạn Lam Kinh	-	82.673.030.180
- Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2, Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	80.982.673.793
- Dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình	329.545.286.552	-
- Dự án Xuân Phương (iii)	170.550.146.770	-
- Dự án Bạc Liêu Tower	167.273.404.195	-
- Dự án Khu đô thị mới Vũng Tàu	151.405.149.594	-
- Dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh	186.129.747.425	-
- Chung cư Nam An Khánh	116.575.996.438	92.640.484.166
- Các công trình, dự án khác	518.033.956.024	344.426.852.557
	<b><u>2.233.228.113.812</u></b>	<b><u>1.084.925.844.761</u></b>

- (i) Dự án CT10-11 thuộc Tổ hợp chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại Văn Phú, khu đô thị mới Văn Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. PVCR (Công ty con của Tổng Công ty) đã nhận chuyển nhượng dự án từ Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền phát triển dự án số 55/2010/VPI-PVR ngày 27 tháng 9 năm 2010 với diện tích 7.023 m<sup>2</sup> để xây dựng chung cư kết hợp Trung tâm thương mại. Theo Nghị quyết số 741/NQ-PVR-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 9 năm 2010, tổng vốn đầu tư dự kiến là 1.454,5 tỷ VND. Hiện tại, PVCR đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai dự án, do vậy chưa phân định rõ diện tích để bán và diện tích kinh doanh thương mại. Theo đó, PVCR phản ánh toàn bộ chi phí phát sinh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang".
- (ii) Thể hiện chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy và toàn bộ dây chuyền chế tạo ống thép tại Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp thuộc xã Gia Thuận, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị trên để đảm bảo cho khoản tiền vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 8, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0268/2010/HĐTD ngày 12 tháng 11 năm 2010.
- (iii) PVC-Đông Đô - Công ty con của Tổng Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất lô CT5E tại khu đô thị mới Xuân Phương với giá trị là 108.907.331.000 VND để đảm bảo cho khoản tiền vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**
**MẪU SỐ B 09-DN/HN**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*
**15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2011	20.945.880.000	162.320.000.000	183.265.880.000
Tăng trong năm	31.899.151.741	333.185.189	32.232.336.930
Tăng do hợp nhất các công ty con (i)	53.000.512.599	43.799.022.542	96.799.535.141
Thanh lý, nhượng bán	(18.693.000.000)	(162.320.000.000)	(181.013.000.000)
Giảm do thanh lý/thoái vốn tại các công ty con (ii)	(2.252.880.000)	-	(2.252.880.000)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>84.899.664.340</b>	<b>44.132.207.731</b>	<b>129.031.872.071</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2011	1.674.507.473	-	1.674.507.473
Khấu hao trong năm	3.099.204.235	-	3.099.204.235
Tăng do hợp nhất các công ty con (i)	2.047.797.744	-	2.047.797.744
Thanh lý, nhượng bán	(874.936.250)	-	(874.936.250)
Giảm do thanh lý/thoái vốn tại các công ty con (ii)	(1.266.896.223)	-	(1.266.896.223)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>4.679.676.979</b>	<b>-</b>	<b>4.679.676.979</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>80.219.987.361</b>	<b>44.132.207.731</b>	<b>124.352.195.092</b>
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>19.271.372.527</b>	<b>162.320.000.000</b>	<b>181.591.372.527</b>

(i) Trong năm, PVC-Thái Bình, PVC-Đồng Đô, PVC-Petroland là công ty con của Tổng Công ty.

(ii) Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí (PV PIPE) và Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí (PV Machino) không còn là công ty con của Tổng Công ty tương ứng từ ngày 22 tháng 6 năm 2011 và ngày 29 tháng 6 năm 2011.

Tổng Công ty đã thế chấp một số bất động sản đầu tư có tổng nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 70.802.245.295 VND (31 tháng 12 năm 2010 là 162.320.000.000 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại các công ty con của Tổng Công ty vẫn chưa được xác định vì các công ty con chưa thực hiện định giá những bất động sản này và không có tài sản so sánh cùng loại để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
1 Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	51	51	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
2 Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Vũng Tàu	51	51	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
3 Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Vũng Tàu	51	51	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
4 Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Vũng Tàu	54	54	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
5 Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN) (i) (ii)	Hà Nội	36	36	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
6 Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) (i)	Hà Nội	40	40	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
7 Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) (i)	Cần Thơ	50	50	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
8 Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVCR) (i)	Quảng Ninh	34	34	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
9 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-Thanh Hóa) (i)	Thanh Hóa	36	36	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
10 Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC Land)	Hà Nội	70	70	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
11 Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Thái Bình	72	72	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
12 Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) (i)	Hà Nội	36	36	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
13 Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	36	36	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp

- (i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty nhỏ hơn hoặc bằng 50% vốn góp tại PVC-HN, PVC-ME, PVC-Mekong, PVCR, PVC-Thanh Hóa, PVC-Đông Đô và PVC-Petroland nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo Nghị quyết số 1928/NQ-DKVN ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc “Thông qua chủ trương thực hiện Phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam” và Nghị quyết số 491/NQ-XLDK ngày 14 tháng 06 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc “Phê duyệt danh mục các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam”, Tổng Công ty duy trì các công ty này là nhóm các công ty con thuộc lĩnh vực sản xuất công nghiệp, xây lắp và kinh doanh bất động sản. Các công ty nói trên được xác định là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

(ii) Theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc “Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc”, tổng giá trị dự toán dự án tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (Giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói của dự án số 59/2009-EPC ngày 12 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí là 50.098.000 USD, giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD). Tính đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, toàn bộ phần giá trị tăng thêm này chưa được thống nhất và ký phụ lục hợp đồng bổ sung với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu sinh học Dầu khí (chủ đầu tư dự án). Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (Công ty con của Tổng Công ty) chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị tăng thêm theo kết quả thẩm tra nêu trên. Theo đó, Tổng Công ty chưa xem xét bất kỳ ảnh hưởng nào của giá trị tăng thêm này đến lợi nhuận trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011; do đó, không có khoản dự phòng nào được trích lập và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	825.706.831.668	1.027.824.350.202
Lợi thế thương mại	(2.002.031.897)	(35.476.879.226)
Lợi nhuận lũy kế từ công ty liên kết (*)	16.890.935.347	38.521.890.162
	<b><u>840.595.735.118</u></b>	<b><u>1.030.869.361.138</u></b>

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tổng tài sản	7.010.177.621.061	6.948.330.068.712
Tổng công nợ	4.453.518.803.786	3.672.735.229.498
Tài sản thuần	<u>2.556.658.817.275</u>	<u>3.275.594.839.214</u>
Phần tài sản thuần Tổng Công ty đầu tư vào công ty liên kết (*)	<b><u>840.595.735.118</u></b>	<b><u>1.030.869.361.138</u></b>

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Doanh thu	3.050.556.217.632	2.636.276.689.820
Lợi nhuận thuần	<u>42.666.636.468</u>	<u>542.107.631.416</u>
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết (*)	<b><u>27.065.080.516</u></b>	<b><u>12.833.427.497</u></b>

(\*) PVC-Petroland (Công ty con của Tổng Công ty) đã trình bày lại số liệu so sánh của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 do thay đổi chính sách ghi nhận doanh thu (như trình bày tại Thuyết minh số 4).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2011 (VND)	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
1 Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	44	44	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
2 Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	2.600.000.000	26	26	Kinh doanh vật tư thiết bị ngành điện, cơ điện
3 Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	100.000.000.000	27	27	Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản
4 Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	20.000.000.000	50	50	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
5 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Hải Phòng	63.900.000.000	35	35	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh dịch vụ, xăng dầu, vật liệu xây dựng
6 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt	Hồ Chí Minh	226.000.000.000	47	53	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
7 Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Nghệ An	55.000.000.000	23	23	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
8 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Hồ Chí Minh	110.098.907.055	25	25	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
9 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Hoà Bình (PVC5)	Hà Nội	60.000.000.000	36	36	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
10 Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)	Hà Nội	30.000.000.000	27	27	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
11 Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Hồ Chí Minh	14.600.000.000	21	21	Sản xuất công nghiệp
12 Công ty Cổ phần Bê tông Dự ứng lực PVC- FECON	Hà Nội	37.500.000.000	29	35	Sản xuất công nghiệp
13 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	Bắc Ninh	35.163.540.000	19	23	Sản xuất công nghiệp
14 Công ty cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cầm	Đà Nẵng	24.423.160.337	23	46	Đầu tư, khai thác và kinh doanh khu công nghiệp
15 Công ty cổ phần Xây lắp và vật liệu Xây dựng dầu khí Sông Hồng	Hà Nội	7.000.000.000	14	39	Xây dựng
16 Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC-Trường Sơn	Quảng Bình	18.682.624.558	12	24	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
17 Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	16.998.599.718	6	23	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
<b>Tổng cộng</b>		<b>825.706.831.668</b>			

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**18. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn thu hồi trên 1 năm	-	167.000.000.000
Đầu tư chứng khoán (i)	654.416.021.999	717.555.435.319
Hợp đồng hợp tác đầu tư (ii)	540.261.404.313	50.000.000.000
Khác	5.318.181.820	-
	<u><b>1.199.995.608.132</b></u>	<u><b>934.555.435.319</b></u>
Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(2.328.431.401)
	<u><b>1.199.995.608.132</b></u>	<u><b>932.227.003.918</b></u>

(i) Chi tiết Đầu tư chứng khoán dài hạn khác gồm các khoản đầu tư mua cổ phiếu của các công ty sau:

Đầu tư dài hạn khác	<u>31/12/2011</u>		<u>31/12/2010</u>	
	VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	VND	Tỷ lệ phần sở hữu %
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - Idico	148.068.065.000	17	148.068.065.000	17
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	15	147.300.000.000	15
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (PVL) (*)	86.100.000.000	14	86.100.000.000	14
Công ty Cổ phần Sản xuất ống thép dầu khí (PV PIPE)	75.000.000.000	15	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC (**)	30.000.000.000	10	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC1)	18.350.000.000	18	15.000.000.000	15
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	16.764.968.199	15	-	-
Công ty Cổ phần Hải Đăng	15.000.000.000	5	-	-
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	13.200.000.000	6	13.200.000.000	6
Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp Dầu khí - IMICO	12.500.000.000	5	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao Sopewaco	10.200.000.000	13	10.200.000.000	18
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA)	6.800.000.000	10	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí	6.000.000.000	12	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Dầu khí 3C	4.500.000.000	6	-	-
Công ty Cổ phần Tây Hà Nội	3.000.000.000	12	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (PVC2)	2.795.000.000	5	-	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (PVC4)	2.500.000.000	10	2.500.000.000	10
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sông Hồng (ICG)	2.447.988.800	1	2.447.988.800	1
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương (PVC-TBD)	2.000.000.000	4	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**18. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)**

(i) Chi tiết Đầu tư chứng khoán dài hạn gồm các khoản đầu tư mua cổ phiếu của các công ty sau: (Tiếp theo)

	31/12/2011		31/12/2010	
	VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	VND	Tỷ lệ phần sở hữu %
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN) (*)	-		45.000.000.000	15
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí (PVID)	-		15.000.000.000	26
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	-		7.000.000.000	11
Công ty Cổ phần đầu tư PV- Inconess	-		6.936.563.433	2
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Hoà Bình (PVC5)	-		5.000.000.000	11
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	-		23.900.000.000	23
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	-		23.500.000.000	16
Khác	51.890.000.000		166.402.818.086	
	<b>654.416.021.999</b>		<b>717.555.435.319</b>	

(\*) Trong năm 2011, một số công ty đã được đổi tên như sau:

- Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (PVL) tiền thân là Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng.

(\*\*) Trong năm 2011, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC được phân loại từ đầu tư vào công ty liên kết sang đầu tư dài hạn khác.

(ii) Khoản đầu tư vào dự án chủ yếu bao gồm khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác giữa PVCR - Công ty con của Tổng Công với Công ty Cổ Phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (OCH) là để đầu tư vào "Dự án đầu tư tổ hợp công trình, văn phòng làm việc" tại số 9 Trần Thánh Tông. Tổng giá trị cam kết góp vốn là 451,2 tỷ VND do Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Bình An làm chủ đầu tư.

Ngày 30 tháng 6 năm 2011, PVCR đã ký Hợp đồng mua lại cổ phần của Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Bình An từ OCH (để thay thế Hợp đồng hợp tác đã ký) để nắm quyền kiểm soát công ty này (với tỷ lệ sở hữu 94%) và tham gia trực tiếp vào việc thực hiện dự án nêu trên. Theo các điều khoản của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, Hợp đồng hợp tác sẽ được thanh lý khi hai bên hoàn thành hết các nghĩa vụ được quy định trong điều khoản của Hợp đồng. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo OCH vẫn chưa hoàn thành các điều kiện giao dịch với PVCR; do vậy Hợp đồng hợp tác đầu tư vẫn còn hiệu lực và Ban Tổng Giám đốc PVCR quyết định ghi nhận khoản tiền đã ứng trước cho OCH cũng như các chi phí có liên quan đến dự án này trên khoản mục đầu tư tài chính dài hạn khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	116.484.764.160	151.110.882.795
Chi phí trả trước cho công cụ, dụng cụ, lán trại	100.638.748.835	130.386.015.633
Hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình	104.317.229.973	129.614.357.541
Lợi thế kinh doanh	8.413.048.847	50.254.950.739
Chi phí dịch vụ bán căn hộ qua sàn giao dịch bất động sản (i)	17.720.106.510	22.829.641.438
Chi phí trả trước tiền thuê đất khu Công nghiệp Hòa Mạc	21.381.390.321	16.228.961.025
Chi phí trả trước dài hạn khác	36.667.386.936	-
	<b><u>405.622.675.582</u></b>	<b><u>500.424.809.171</u></b>

- (i) Khoản chi phí dịch vụ bán căn hộ (dự án PetroVietnam Landmark tại phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh) qua sàn giao dịch Bất động sản theo quy định tại Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Sàn giao dịch Bất động sản - Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam ký với PVC-Land (Công ty con của Tổng Công ty).

01/01/2011  
 02/01/2011  
 03/01/2011  
 04/01/2011  
 05/01/2011  
 06/01/2011  
 07/01/2011  
 08/01/2011  
 09/01/2011  
 10/01/2011  
 11/01/2011  
 12/01/2011  
 13/01/2011  
 14/01/2011  
 15/01/2011  
 16/01/2011  
 17/01/2011  
 18/01/2011  
 19/01/2011  
 20/01/2011  
 21/01/2011  
 22/01/2011  
 23/01/2011  
 24/01/2011  
 25/01/2011  
 26/01/2011  
 27/01/2011  
 28/01/2011  
 29/01/2011  
 30/01/2011  
 31/01/2011



01/01/2011  
 02/01/2011  
 03/01/2011  
 04/01/2011  
 05/01/2011  
 06/01/2011  
 07/01/2011  
 08/01/2011  
 09/01/2011  
 10/01/2011  
 11/01/2011  
 12/01/2011  
 13/01/2011  
 14/01/2011  
 15/01/2011  
 16/01/2011  
 17/01/2011  
 18/01/2011  
 19/01/2011  
 20/01/2011  
 21/01/2011  
 22/01/2011  
 23/01/2011  
 24/01/2011  
 25/01/2011  
 26/01/2011  
 27/01/2011  
 28/01/2011  
 29/01/2011  
 30/01/2011  
 31/01/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước:

	Đánh giá lại giá trị lợi thế kinh doanh	Doanh thu chưa thực hiện	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	Loại trừ lợi nhuận chưa thực hiện trong hàng tồn kho cuối năm		Khác	Tổng cộng
				VND	VND		
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	-	-	<b>1.757.687.888</b>	-	-	-	<b>1.757.687.888</b>
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ trong năm)	(14.515.089.326)	-	179.654.781	15.570.787.299	4.047.179.198		5.282.531.952
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>(14.515.089.326)</b>	-	<b>1.937.342.669</b>	<b>15.570.787.299</b>	<b>4.047.179.198</b>		<b>7.040.219.840</b>
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ trong năm)	330.428.556	12.965.412.354	(343.185.176)	61.524.553.509	(1.697.569.063)		72.779.640.180
Khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>(14.184.660.770)</b>	<b>12.965.412.354</b>	<b>1.594.157.493</b>	<b>77.095.340.808</b>	<b>2.349.610.135</b>		<b>79.819.860.020</b>

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(87.821.588)	(14.665.844.638)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	79.907.681.608	21.706.064.478
	<b>79.819.860.020</b>	<b>7.040.219.840</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**
**MÃ SỐ B 09-DN/HN**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*
**21. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI**

	<u>Lợi thể thương mại</u>
	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2011	74.989.523.738
Tăng do mua công ty con	1.671.636.629
Giảm do bán công ty con	(6.233.705.691)
Tại ngày 31/12/2011	<b>70.427.454.676</b>
<b>GIA TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2011	7.688.586.784
Khấu hao trong năm	6.784.998.071
Giảm do bán công ty con	(127.822.353)
Tại ngày 31/12/2011	<b>14.345.762.502</b>
<b>GIA TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2011	<u>56.081.692.174</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>67.300.936.954</u>

**22. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.969.404.223.069	2.751.753.290.955
- Vay tại Công ty mẹ	1.634.056.397.458	1.340.458.597.941
- Vay tại các công ty con	1.335.347.825.611	1.411.294.693.014
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	398.244.782.175	73.504.155.519
- Vay tại Công ty mẹ	1.428.673.752	24.559.473.752
- Vay tại các công ty con	396.816.108.423	48.944.681.767
	<u>3.367.649.005.244</u>	<u>2.825.257.446.474</u>

Chi tiết một số khoản vay và nợ ngắn hạn chủ yếu của Tổng Công ty và các công ty con như sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (i)	262.082.005.203	319.181.321.383
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (ii)	196.909.817.422	56.778.656.758
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (iii)	1.293.251.724.400	1.186.097.418.550
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (iv)	157.892.587.405	388.129.968.669
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô (v)	160.716.821.657	62.824.224.374
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (vi)	168.996.243.195	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (vii)	207.924.750.203	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (i) Khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam bao gồm 7 khoản vay theo hình thức hợp đồng tín dụng hạn mức với lãi suất từ 18,5%/năm đến 22%/năm (năm 2010 là từ 15%/năm đến 19%/năm).
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam bao gồm 3 khoản vay với lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần và dao động từ 14%/năm đến 20%/năm (năm 2010 là từ 12%/năm đến 16,5%/năm).
- (iii) Các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương bao gồm 6 khoản vay chủ yếu để bổ sung vốn lưu động và hỗ trợ các đơn vị trong quá trình tái cơ cấu Tổng Công ty, lãi suất từ 4,9%/năm đến 21%/năm.
- (iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam bao gồm 4 khoản vay, với lãi suất dao động từ 14,6%/năm đến 22%/năm.
- (v) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô bao gồm 2 khoản vay với lãi suất dao động từ 14,5%/năm đến 23%/năm (năm 2010 là từ 14% năm đến 18% năm) và thời gian rút vốn trong vòng 1 năm.
- (vi) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB Bank) gồm 3 khoản vay với lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần hoặc 6 tháng/lần và dao động từ 22% đến 24%/năm.
- (vii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long bao gồm 3 khoản vay. Các khoản vay này được giải ngân theo các kế ước nhận nợ, lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và thay đổi định kỳ 3 tháng/lần (lãi suất áp dụng cho các khoản vay này từ 18,5%/năm đến 22%/năm cho năm 2011).

**23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	33.561.779.581	53.890.719.248
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.276.920.572
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.608.785.241	74.779.897.180
Thuế thu nhập cá nhân	7.078.835.618	4.477.097.209
Các loại thuế khác	1.082.892.393	3.068.810.356
	<b>78.332.292.833</b>	<b>138.493.444.565</b>

**24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước chi phí của các công trình	483.785.981.733	260.952.065.868
Chi phí phải trả khác	151.303.931.060	2.687.700.599
	<b>635.089.912.793</b>	<b>263.639.766.467</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	216.356.097.064	177.179.097.064
Nhận tiền góp vốn vào Dự án Văn Phú (ii)	287.312.097.043	166.239.346.493
Nhận tiền góp vốn vào Dự án Vĩnh Hưng (ii)	-	27.559.640.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	11.500.000.000	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	28.000.000.000	-
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - CTCP (iii)	80.000.000.000	-
Phải trả về cổ phần hóa Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (PV Machino)	-	108.311.964.645
Tiền góp nhận góp vốn của PVCR	-	95.718.480.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	353.096.841.821	119.864.813.398
	<b><u>976.265.035.928</u></b>	<b><u>694.873.341.600</u></b>

- (i) Số còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam) từ việc nhận chuyển nhượng 10.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cánh Phước An (PAP) theo Hợp đồng số 8345/HĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2010 và 13.909.896 cổ phần với mệnh giá 10.509 VND/cổ phiếu Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí (PV Machino) theo Hợp đồng số 5650/HĐ-DKVN ngày 15 tháng 7 năm 2010 ký với PetroVietnam và vốn Tập đoàn hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu phụ của Dự án Khu Công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang.
- (ii) Tổng Công ty nhận tiền của các nhà đầu tư theo các hợp đồng góp vốn, theo đó, khi dự án đủ điều kiện để bán căn hộ theo quy định của pháp luật, nhà đầu tư được quyền mua căn hộ theo giá trị đã thỏa thuận trên hợp đồng góp vốn. Đối với khoản tiền nhận góp vốn của Dự án Vĩnh Hưng, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển quyền quản lý các hợp đồng cho Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng và bù trừ tiền nhận góp vốn với số tiền đặt cọc cho Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng.
- (iii) Thẻ hiện số thu tiền góp vốn điều lệ ứng trước cho PVC-Mekong theo kế hoạch tăng vốn lên 500.000.000.000 VND theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐTDKCM-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông của PVC-Mekong.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	1.742.890.695.590	640.145.250.846
- Vay tại Công ty mẹ	-	93.951.873.752
- Vay tại các công ty con	1.742.890.695.590	546.193.377.094
Nợ thuê tài chính dài hạn	98.713.616.202	36.249.211.549
- Nợ thuê tài chính dài hạn tại Công ty mẹ	2.500.179.058	2.500.179.058
- Nợ thuê tài chính dài hạn tại các công ty con	96.213.437.144	33.749.032.491
	<b>1.841.604.311.792</b>	<b>676.394.462.395</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn tại Thuyết minh số 22)	(398.244.782.175)	(73.504.155.519)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>1.443.359.529.617</b>	<b>602.890.306.876</b>

Chi tiết một số khoản vay và nợ dài hạn chủ yếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (i)	358.176.394.721	326.102.619.968
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (ii)	561.277.276.373	193.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (iii)	226.423.178.755	-
Nợ thuê tài chính dài hạn (iv)	74.742.670.594	-

(i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm 2 khoản vay chính sau:

- Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam-Chỉ nhánh Chương Dương theo Hợp đồng chuyển giao quyền và nghĩa vụ ngày 25 tháng 3 năm 2011 ký giữa ba bên là Tổng Công ty, PVC-ME và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chỉ nhánh Chương Dương. Theo đó, PVC-ME nhận lại dư nợ vay từ Tổng Công ty theo Hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐTD-TH/NHCTVNCNCD-PVC về việc “Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ thi công thuộc đề án nâng cao năng lực của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam” với số dư nợ là 80.959.000.000 VND, thời hạn vay 42 tháng. Lãi suất trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 18,5%/năm. PVC-ME tiếp tục được Nhà nước hỗ trợ lãi suất 4%/năm đến hết ngày 03 tháng 9 năm 2011. Gốc được hoàn trả 6 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng ký giữa PVC-Petroland với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chỉ nhánh thành phố Hồ Chí Minh (“VietinBank Hồ Chí Minh”) ngày 07 tháng 01 năm 2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ đồng nhằm tài trợ vốn cho dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01 phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VietinBank Hồ Chí Minh cộng biên độ 2,8%/năm. Thời hạn cho vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Thời hạn giải ngân là 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	1.742.890.695.590	640.145.250.846
- Vay tại Công ty mẹ	-	93.951.873.752
- Vay tại các công ty con	1.742.890.695.590	546.193.377.094
Nợ thuê tài chính dài hạn	98.713.616.202	36.249.211.549
- Nợ thuê tài chính dài hạn tại Công ty mẹ	2.500.179.058	2.500.179.058
- Nợ thuê tài chính dài hạn tại các công ty con	96.213.437.144	33.749.032.491
	<b>1.841.604.311.792</b>	<b>676.394.462.395</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn tại Thuyết minh số 22)	(398.244.782.175)	(73.504.155.519)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>1.443.359.529.617</b>	<b>602.890.306.876</b>

Chi tiết một số khoản vay và nợ dài hạn chủ yếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (i)	358.176.394.721	326.102.619.968
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (ii)	561.277.276.373	193.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (iii)	226.423.178.755	-
Nợ thuê tài chính dài hạn (iv)	74.742.670.594	-

(i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm 2 khoản vay chính sau:

- Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam-Chỉ nhánh Chương Dương theo Hợp đồng chuyển giao quyền và nghĩa vụ ngày 25 tháng 3 năm 2011 ký giữa ba bên là Tổng Công ty, PVC-ME và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chỉ nhánh Chương Dương. Theo đó, PVC-ME nhận lại dư nợ vay từ Tổng Công ty theo Hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐTD-TH/NHCTVNCNCD-PVC về việc “Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ thi công thuộc đề án nâng cao năng lực của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam” với số dư nợ là 80.959.000.000 VND, thời hạn vay 42 tháng. Lãi suất trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 18,5%/năm. PVC-ME tiếp tục được Nhà nước hỗ trợ lãi suất 4%/năm đến hết ngày 03 tháng 9 năm 2011. Gốc được hoàn trả 6 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng ký giữa PVC-Petroland với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chỉ nhánh thành phố Hồ Chí Minh (“VietinBank Hồ Chí Minh”) ngày 07 tháng 01 năm 2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ đồng nhằm tài trợ vốn cho dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01 phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VietinBank Hồ Chí Minh cộng biên độ 2,8%/năm. Thời hạn cho vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Thời hạn giải ngân là 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương bao gồm 4 khoản vay:

Khoản vay của PVC-MT từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại dương theo Hợp đồng số 110/2010/HĐTD1-OCEANBANK06 ngày 29 tháng 9 năm 2010. Theo đó, hạn mức vay là 83 tỷ đồng với thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay là đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bao bì tại Dung Quất, Quảng Ngãi. Lãi suất cho vay áp dụng mức 16,2%/năm, được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Oceanbank công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ tối thiểu 5%.

Khoản vay của PVC-MS từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 083/HĐTD1-OCEANBANK.790-PVCMMS ngày 26 tháng 6 năm 2011, với hạn mức vay là 480.000.000.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất 9,6%/năm, thời hạn vay tối đa không quá 3 năm. Khoản vay được sử dụng để thực hiện đầu tư dự án xây dựng Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị Dầu khí Sao Mai – Bến Đình. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, PVC-MS đã rút vốn với tổng số tiền là 480.000.000.000 VND.

Khoản vay của PVC-ME từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 0038/2010/HĐTD1-OCEANBANK07 ngày 24 tháng 8 năm 2010 cho mục đích tài trợ tín dụng dài hạn và mở L/C để thanh toán cho dự án "Đầu tư mua sắm hệ thống thiết bị phục vụ khoan cọc nhồi trên biển nhằm nâng cao năng lực thi công khoan cọc nhồi vào đá trên biển có đường kính khoan lớn", thời hạn vay 7 năm. Lãi suất trong hạn là 15%/năm. Gốc được hoàn trả 6 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay của PVC-R từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương với số tiền rút tối đa là 315.840.999.000 VND trong thời hạn 24 tháng cho mục đích "Bổ sung vốn thực hiện hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương thực hiện đầu tư dự án tổ hợp công trình văn phòng làm việc, dịch vụ thương mại tại số 09 Trần Thánh Tông, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội". Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai từ khoản vay là toàn bộ số cổ phần tương đương 94% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An thuộc sở hữu của PVC-R (Công ty con của Tổng Công ty). Khoản vay này chịu lãi suất 20%/năm tại thời điểm giải ngân (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 20%), lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên, bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng lãi trả cuối kỳ cộng biên độ 4,5%.

(iii) Khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam chủ yếu là 2 khoản vay của PVC-Thanh Hóa:

- Hợp đồng số 01/2010/HĐTD-DH/04032010/PVFCTL-PVFCLAND & Phụ lục Hợp đồng số 01/2010/HĐT-DH0403210/PVFCTL-PVFCLAND/PL02 với số tiền vay là 295.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng là để thanh toán các chi phí thuộc tổng mức đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh thuộc khu tổ hợp Thương mại-Dịch vụ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Thanh Hóa. Lãi suất cho vay là lãi suất tham chiếu cộng 4%/năm. Biện pháp bảo đảm là thế chấp toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư để thực hiện dự án Khách sạn Lam Kinh, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (toàn bộ vật tư phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích đất dự án Khách sạn Lam Kinh).

- Hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD-DH/PVFCTL08 ngày 19 tháng 12 năm 2008 với số tiền vay là 53.248.000.000 VND. Mục đích sử dụng là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở văn phòng đại diện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại 38A Đại lộ Lê Lợi - Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Thời hạn cho vay tối đa là 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Tổng Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn tại ngân hàng.

**26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(iv) Số dư nợ thuê tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm các khoản nợ thuê tài chính dài hạn chủ yếu sau:

- Nợ thuê tài chính dài hạn của PVC-PT là 01 chiếc xe cầu bánh lốp 55 tấn hiệu Grove ký với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2011-00052-000 ngày 22 tháng 7 năm 2011. Giá trị tài sản thuê là 16.978.343.965 VND. PVC-PT trả trước cho Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam số tiền tương đương 15% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 10% giá trị tài sản thuê. Số tiền cho thuê tương đương 85% giá trị tài sản thuê cộng (+) 100% phí bảo hiểm, giá trị mua lại là 1% giá trị tài sản thuê. Lãi suất cho thuê tạm thời (trong thời gian chưa bắt đầu thanh toán tiền thuê) là 17,5%/năm, sau đó lãi suất cho thuê bằng 2,5%/năm cộng (+) lãi suất cơ bản là lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng, trả lãi cuối kỳ, áp dụng cho khách hàng cá nhân của ba Ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Sở giao dịch, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Sở giao dịch và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Sở giao dịch. Thời hạn cho thuê là 60 tháng, không có chi phí nào khác phát sinh thêm trong việc thuê tài chính này.

- Nợ thuê tài chính dài hạn của PVC-ME với Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo các Hợp đồng số 36.10.06/CTTC-HĐKT ngày 28 tháng 4 năm 2010, số 36.10.05/CTTC-HĐKT ngày 26 tháng 3 năm 2010, số 36.10.15/CTTC ngày 30 tháng 7 năm 2010, số 36.10.17/CTTC ngày 08 tháng 11 năm 2010 để thuê tài chính các tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời gian thuê từ 48 tháng đến 84 tháng. Lãi suất thuê tài chính trong năm từ 15%/năm đến 17,5%/năm.

- Nợ thuê tài chính dài hạn của PVC-ME với Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam theo các Hợp đồng số 120/2010/TSC-CTTC ngày 14 tháng 10 năm 2010, số 139/2010/TSC-CTTC ngày 2 tháng 11 năm 2010, số 152/2010/TSC-CTTC ngày 07 tháng 12 năm 2010 để thuê tài chính các tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho thuê bằng lãi suất Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam cho Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam vay cộng (+) biên độ 3%/năm. Lãi suất thuê tài chính trong năm là 17%/năm đến 20%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**
**MẪU SỐ B 09-DN/HN**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*
**27. VỐN CHỦ SỞ HỮU**
**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>1.500.000.000.000</b>	-	<b>802.387.370</b>	<b>(299.729.878)</b>	-	<b>19.721.668.469</b>	<b>8.744.081.369</b>	<b>455.000.000</b>	<b>223.760.852.285</b>	<b>1.753.184.259.615</b>
- Hợp nhất các công ty	-	-	3.063.276.244	-	-	2.255.459.494	1.279.979.523	544.719.133	12.275.934.655	19.419.369.049
- Nhận vốn góp	1.000.000.000.000	2.784.109.156	-	-	-	-	-	-	-	1.002.784.109.156
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(15.676.965.928)	-	-	-	-	(15.676.965.928)
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	9.296.988.019	10.296.711.242	500.000.000	530.628.755.847	530.628.755.847
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	(39.986.849.512)	(19.893.150.251)
- Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(400.000.000.000)	(400.000.000.000)
- Thanh lý công ty con	-	-	(802.387.370)	299.729.878	-	(2.826.710.860)	(1.187.205.249)	-	-	(4.516.573.601)
- Chi quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(955.000.000)	-	(955.000.000)
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>2.500.000.000.000</b>	<b>2.784.109.156</b>	<b>3.063.276.244</b>	-	<b>(15.676.965.928)</b>	<b>28.447.405.122</b>	<b>19.133.566.885</b>	<b>544.719.133</b>	<b>326.678.693.275</b>	<b>2.864.974.803.887</b>
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(3.438.633.045)	-	-	-	-	(3.438.633.045)
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	195.971.900.161	195.971.900.161
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(6.543.182.595)	-	-	-	-	-	(6.543.182.595)
- Phân phối lợi nhuận	-	1.360.159.170	-	-	-	34.585.867.679	33.541.939.939	3.483.401.997	(152.192.019.861)	(79.220.651.076)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>2.500.000.000.000</b>	<b>4.144.268.326</b>	<b>3.063.276.244</b>	<b>(6.543.182.595)</b>	<b>(19.115.598.973)</b>	<b>63.033.272.801</b>	<b>52.675.506.824</b>	<b>4.028.121.130</b>	<b>370.458.573.575</b>	<b>2.971.744.237.332</b>

(i) Trong năm, Tổng Công ty và các công ty con đã thực hiện trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 và 2011 như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích là 34.585.867.679 VND;
- Quỹ dự phòng tài chính được trích là 33.541.939.939 VND;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích là 79.220.651.076 VND;
- Quỹ thưởng Ban quản lý được trích là 3.483.401.997 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Tổng Công ty đều bằng 2.500.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký		Vốn đã góp tại ngày	
	kinh doanh		31/12/2011	31/12/2010
	VND	%	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.030.222.220.000	41,21	1.030.222.220.000	1.030.222.220.000
Các cổ đông khác	1.469.777.780.000	58,79	1.469.777.780.000	1.469.777.780.000
	<b>2.500.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>2.500.000.000.000</b>	<b>2.500.000.000.000</b>

**28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận Xây lắp, Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng và Bộ phận dịch vụ và khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận Xây lắp	- xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng	- kinh doanh nhà và hạ tầng;
Bộ phận dịch vụ và khác	- cung cấp các dịch vụ liên quan tới xây lắp và bất động sản.

MÃ SỐ B 09-DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Năm 2011

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Xây lắp		Kinh doanh nhà và hạ tầng		Dịch vụ và khác		Loại trừ khi hợp nhất		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>										
Tài sản bộ phận	12.607.014.804.215		3.698.166.289.426	1.076.035.954.989	(4.360.570.822.633)	13.020.646.225.997				
Lãi từ công ty liên kết	27.065.080.516		-	-	-	27.065.080.516				
Tài sản không phân bổ						3.822.552.643.393				
Tổng tài sản hợp nhất						16.870.263.949.906				
<b>Nợ phải trả</b>										
Nợ phải trả bộ phận	8.268.376.747.982		1.827.528.816.723	(1.959.093.051.251)	524.308.550.205	8.661.121.063.659				
Nợ phải trả không phân bổ						2.526.229.857.125				
Tổng nợ phải trả hợp nhất						11.187.350.920.784				



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

**28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)****Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất**

	Xây lắp		Kinh doanh nhà và hạ tầng		Dịch vụ và khác		Loại trừ khi hợp nhất		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>										
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	10.454.750.381.560	1.222.918.513.014	1.222.918.513.014	711.877.676.473	(3.134.756.327.298)	9.254.790.243.749				
Tổng doanh thu	10.454.750.381.560	1.222.918.513.014	1.222.918.513.014	711.877.676.473	(3.134.756.327.298)	9.254.790.243.749				
Kết quả kinh doanh bộ phận	602.612.853.929	233.988.990.227	233.988.990.227	65.586.197.942	152.778.395.124	1.054.966.437.222				
<b>Chi phí không phân bổ</b>										
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh										(738.191.374.229)
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết										316.775.062.993
Lợi nhuận khác										27.065.080.516
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính										34.587.736.506
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>										1.038.323.359
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp										<b>379.466.203.374</b>
<b>Lợi nhuận trong năm</b>										(80.066.193.174)
										<b>299.400.010.200</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động tại Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam. Các bộ phận xây lắp được đặt tại cả 3 miền.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	<b>2011</b>
	<b>VND</b>
Miền Bắc	6.661.052.616.115
Miền Trung	926.222.930.479
Miền Nam	5.210.028.236.286
Loại trừ trên Báo cáo hợp nhất	<u>(3.542.513.539.131)</u>
	<b><u>9.254.790.243.749</u></b>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận	Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình
	31/12/2011	Năm kết thúc ngày 31/12/2011
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Miền Bắc	12.437.549.374.374	167.051.233.641
Miền Trung	1.519.615.754.841	125.608.530.673
Miền Nam	7.273.669.643.324	749.797.343.400
Loại trừ trên Báo cáo hợp nhất	<u>(4.360.570.822.633)</u>	<u>(20.500.522.674)</u>
	<b><u>16.870.263.949.906</u></b>	<b><u>1.021.956.585.040</u></b>

**29. DOANH THU**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hoạt động xây lắp	7.319.994.054.262	6.417.291.360.362
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	1.255.121.972.555	266.986.870.450
Hoạt động sản xuất công nghiệp	-	5.630.414.338
Hoạt động dịch vụ	56.321.863.096	80.702.398.400
Hoạt động tư vấn xây dựng	22.011.109.659	5.198.243.359
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	441.694.322.200	521.681.245.641
Hoạt động khác	191.850.381.518	332.019.164
	<b><u>9.286.993.703.290</u></b>	<b><u>7.297.822.551.714</u></b>
Giảm giá hàng bán	(32.135.727.951)	(2.217.402.354)
Hàng bán trả lại	(67.731.590)	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>9.254.790.243.749</u></b>	<b><u>7.295.605.149.360</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hoạt động xây lắp	6.564.602.805.209	5.457.710.390.934
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	988.929.522.787	243.438.604.422
Hoạt động sản xuất công nghiệp	-	4.706.851.990
Hoạt động dịch vụ	44.107.536.785	72.466.398.596
Hoạt động tư vấn xây dựng	18.748.740.437	3.109.145.751
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	405.052.972.564	501.854.930.513
Hoạt động khác	178.382.228.745	250.278.611
	<b>8.199.823.806.527</b>	<b>6.283.536.600.817</b>

**31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi chuyển nhượng cổ phần (i)	101.695.374.644	281.865.756.026
Lãi tiền gửi, ký quỹ ngân hàng	149.162.191.355	64.383.520.757
Cổ tức, lợi nhuận được chia	37.388.386.555	15.850.686.943
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.547.134.320	10.069.814.551
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.391.393.699
Doanh thu hoạt động tài chính khác	16.581.788.941	15.278.185.461
	<b>312.374.875.815</b>	<b>388.839.357.437</b>

(i) Lãi chuyển nhượng cổ phần chủ yếu bao gồm:

- Lợi nhuận bán 1.534.500 cổ phần Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco) theo Hợp đồng số 09/HĐ ngày 25 tháng 3 năm 2011. Lãi từ việc chuyển nhượng này là 15.592.054.500 VND.
- Lợi nhuận bán 5.100.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí (PVID) theo Hợp đồng số 37/2011/PVGAS/TC-PVC/D4 ngày 04 tháng 3 năm 2011. Lãi từ việc chuyển nhượng này là 11.376.800.000 VND.
- Lợi nhuận bán 22,5 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí (PV PIPE) theo Hợp đồng số 132/2011/PVGAS/TC-PVC/D4 ngày 15 tháng 6 năm 2011 và Hợp đồng số 298/2011/PVGAS/TC-PVCMS/D4 ngày 07 tháng 11 năm 2011. Lãi từ việc chuyển nhượng này là 23.382.154.310 VND.
- Lãi bán 13.909.896 cổ phần Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí (PV Machino) theo Hợp đồng số 40/HĐ-PVC-PVEIC ngày 03 tháng 6 năm 2011. Lãi từ việc chuyển nhượng này là 25.906.752.419 VND.
- Lãi bán phần vốn góp tại Công ty TNHH Liên doanh VIETUBES theo Hợp đồng số 186A/2011/PVD-PVC ngày 29 tháng 9 năm 2011. Lãi từ việc chuyển nhượng này là 16.944.132.136 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	309.196.702.270	114.058.654.438
Lỗ chuyển nhượng cổ phần	4.660.550.000	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.176.399.443	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(23.910.550.000)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	752.743.295	11.664.531.110
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	206.400.652
Chi phí tài chính khác	18.460.707.448	35.111.983.111
	<b><u>311.336.552.456</u></b>	<b><u>161.041.569.311</u></b>

**33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (*)</b>	<b>379.466.203.374</b>	<b>887.978.752.419</b>
<i>Trừ:</i>		
Thu nhập không chịu thuế	(47.947.704.088)	(144.119.389.564)
Chi phí không được khấu trừ năm trước chuyển sang	(9.239.870.595)	-
<i>Cộng:</i>		
Thu nhập không chịu thuế năm trước chuyển sang	42.321.719.068	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ trong năm	196.796.293.767	83.509.148.601
Doanh thu chưa thực hiện	51.861.649.416	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>613.258.290.942</b>	<b>827.368.511.456</b>
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	153.314.572.735	206.842.127.865
Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(472.404.722)	-
Cộng: Thuế TNDN nộp bổ sung theo quyết toán	3.665.341	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>152.845.833.354</b>	<b>206.842.127.865</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(82.166.901.181)	(5.239.733.325)
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại	9.387.261.001	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b><u>80.066.193.174</u></b>	<b><u>201.602.394.540</u></b>

(\*) PVC-Petroland - Công ty con của Tổng Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 do thay đổi chính sách ghi nhận doanh thu (như trình bày tại Thuyết minh số 4).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	299.400.010.200	686.376.357.879
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	195.971.900.161	530.628.755.847
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	250.000.000	202.054.795
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	784	2.626
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

(\*) PVC-Petroland - Công ty con của Tổng Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 do thay đổi chính sách ghi nhận doanh thu (như trình bày tại Thuyết minh số 4).

**35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7.074.914.242	13.158.267.106

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.582.137.553	13.611.675.257
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.851.707.000	49.070.736.502
Sau năm thứ năm	-	63.316.601.419
<b>Cộng</b>	<b><u>13.433.844.553</u></b>	<b><u>125.999.013.178</u></b>

**36. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty có các khoản cam kết góp vốn vào các đơn vị sau:

- Nhận chuyển nhượng 2.500.000 cổ phần của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) với số tiền là 25 tỷ VND, tương đương với 13,71% vốn điều lệ.
- Theo Nghị quyết số 491/NQ-XLDK ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc phê duyệt danh mục các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, đối với các công ty con chưa đạt tỷ lệ sở hữu 36% vốn điều lệ, Tổng Công ty cam kết tăng tỷ lệ sở hữu vốn lên trên 36% vốn điều lệ; đối với các công ty liên kết chưa đạt tỷ lệ sở hữu 30% vốn điều lệ, Tổng Công ty cam kết tăng tỷ lệ sở hữu lên 30% vốn điều lệ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 và 26 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 5.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	784.019.160.576	1.521.462.242.415
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.817.702.588.553	2.483.985.542.399
Đầu tư ngắn hạn	128.651.936.567	512.121.623.382
Đầu tư dài hạn	1.199.995.608.132	932.227.003.918
Tài sản tài chính khác	12.973.535.022	33.617.693.743
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.943.342.828.850</b>	<b>5.483.414.105.857</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ	4.811.008.534.861	3.428.147.753.350
Phải trả người bán và phải trả khác	2.584.762.052.131	2.207.491.779.284
Chi phí phải trả	635.089.912.793	263.639.766.467
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.030.860.499.785</b>	<b>5.899.279.299.101</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

112: 09.01.2012  
 ĐĂNG NHẬP  
 110.01.11  
 110.01.11

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

#### Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

##### Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	2.052.263.861	17.614.169.826
Euro (EUR)	219.968	220.724

##### Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

##### Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

##### Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 39.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

250  
G  
EMH  
OIT  
N/

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**
**MÃU SỐ B 09-DN/HN**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*
**37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**
**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

<b>31/12/2011</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	2.539.816.933.522	44.945.118.609	2.584.762.052.131
Chi phí phải trả	635.089.912.793	-	635.089.912.793
Các khoản vay	3.343.678.059.636	1.347.146.092.473	4.690.824.152.109
Công nợ tài sản tài chính đi thuê	23.970.945.608	96.213.437.144	120.184.382.752
<b>31/12/2010</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	2.084.042.943.532	123.448.835.752	2.207.491.779.284
Chi phí phải trả	263.639.766.467	-	263.639.766.467
Các khoản vay	2.817.444.518.238	569.141.274.385	3.386.585.792.623
Công nợ tài sản tài chính đi thuê	7.812.928.236	33.749.032.491	41.561.960.727

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>31/12/2011</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	784.019.160.576	-	784.019.160.576
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.812.335.911.349	5.366.677.204	2.817.702.588.553
Đầu tư tài chính	128.651.936.567	1.199.995.608.132	1.328.647.544.699
Tài sản tài chính khác	12.973.535.022	-	1.212.969.143.154
<b>31/12/2010</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.521.462.242.415	-	1.521.462.242.415
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.479.061.404.348	4.924.138.051	2.483.985.542.399
Đầu tư tài chính	512.121.623.382	932.227.003.918	1.444.348.627.300
Tài sản tài chính khác	33.617.693.743	-	-

**38. CỔ TỨC**

Theo Nghị quyết số 338/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 23 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, mức chia cổ tức là 375.000.000.000 VND, trong đó, trả cổ tức bằng tiền mặt là 250.000.000.000 VND (10% vốn điều lệ) và trả cổ tức bằng cổ phiếu là 125.000.000.000 VND (5% vốn điều lệ). Trong năm 2010, Tổng Công ty đã tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt (theo Quyết định số 1126/QĐ-XLĐK ngày 28 tháng 10 năm 2010 về việc tạm ứng cổ tức năm 2010 của Tổng Công ty).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Giao dịch sau với các bên liên quan:*

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	166.279.817.051
Doanh thu thi công các công trình xây lắp cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.980.023.313.639	3.837.737.577.572

*Số dư với các bên liên quan:*

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	82.000.000.000
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	10.400.177.569	771.227.526
Phải thu từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	318.745.705.820	244.423.114.882
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam ứng trước	782.906.701	-
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	1.532.060.676.141	212.907.170.057
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	883.484.853	-
Phải trả các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	32.736.410.278	104.098.567.318
Ứng trước cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	7.614.504.649	39.408.745.553
Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.008.154.052	-
Phải thu khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	67.402.462.286	-
Phải trả khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	233.142.660.824	177.179.097.064
Phải trả khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	288.481.187.490	-
Các khoản vay:		
Ngân hàng TMCP Đại Dương (Ocean Bank)		
- Vay ngắn hạn	1.293.251.724.400	1.186.097.418.550
- Vay dài hạn	561.277.276.373	193.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam		
- Vay ngắn hạn	262.082.005.203	319.181.321.383
- Vay dài hạn	226.423.178.755	15.000.000.000

*Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:*

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	9.143.522.112	10.266.459.897

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***40. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo Thông báo số 269/DKVN-TCNS ngày 13 tháng 02 năm 2012, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có chủ trương tách Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí Việt Nam (PVC-MS) khỏi Tổng Công ty để thành lập Tổng Công ty chuyên ngành về chế tạo và xây lắp các công trình dầu khí biển trên cơ sở tổ chức lại các đơn vị: PVC-MS, PTSC-M&C, PV Shipyard và PVSĐ trong giai đoạn 2012 - 2015. Tuy nhiên, trong khi chờ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án tái cấu trúc Tập đoàn, Tổng Công ty vẫn kiểm soát PVC-MS và đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của PVC-MS được thực hiện bình thường. Theo đó, chưa có bất kỳ điều chỉnh nào trong báo cáo tài chính năm 2011 liên quan đến sự kiện nêu trên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2012, Tổng Công ty có Báo cáo số 797/BC-XLKD gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, Tổng Công ty đã chào bán thành công 150 triệu cổ phần (bao gồm 12,5 triệu cổ phần trả cổ tức bằng cổ phiếu), nâng vốn điều lệ lên 4.000.000.000.000 VND. Trong đó, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam) góp thêm 1.100.000.000.000 VND (theo Nghị quyết số 2068/NQ-DKVN ngày 16 tháng 3 năm 2012) nâng số cổ phiếu PetroVietnam nắm giữ lên 213.022.222 cổ phần (chiếm 53,26%). Như vậy, tính đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, trong tổng số 250 triệu cổ phiếu được UBCKNN phê duyệt phát hành ra công chúng, Tổng Công ty chưa thực hiện phát hành 100 triệu cổ phiếu cho đối tác chiến lược theo phê duyệt này.

PVCR (Công ty con của Tổng Công ty) trích tạm ứng cổ tức năm 2011, dự kiến trả vào ngày 20 tháng 02 năm 2012 theo Nghị Quyết ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông bất thường với số tiền 26.166.906.500 VND (tương đương với 500 VND/cổ phần). Tuy nhiên, PVCR đã điều chỉnh thời gian chi trả cổ tức trên vào ngày 05 tháng 7 năm 2012 theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT-PVCR ngày 15 tháng 02 năm 2012.

**41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

**42. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Một số số liệu của năm báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

**Tổng Giám đốc***Trương Quốc Dũng*

Ngày 09 tháng 4 năm 2012

**Phạm Tiên Đạt  
Kế toán trưởng**



### CÁC DỰ ÁN DO PVC ĐẦU TƯ

#### 1. DỰ ÁN THÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Địa điểm: Xã Mỹ Trì, huyện Tứ Liêm, thành phố Hà Nội

Quy mô dự án: 6,5ha

Tổng mức đầu tư: 12.000 tỷ đồng

#### 2. DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP DỊCH VỤ DẦU KHÍ SOÀI RÁP

Địa điểm: Xã Vàm Láng, Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, Tỉnh Tiền Giang

Quy mô dự án: 285ha

Tổng mức đầu tư: 1.481,46 tỷ đồng

#### 3. DỰ ÁN BÃI CẢNG CHẾ TẠO KẾT CẤU KIM LOẠI TẠI SAO MAI BẾN ĐÌNH (GIAI ĐOẠN I)

Địa điểm: Sao Mai Bến Đình, Vũng Tàu

Quy mô dự án: 23ha, công suất 10.000 tấn/năm

Tổng mức đầu tư: 695 tỷ đồng

#### 4. DỰ ÁN KHU PHỨC HỢP THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ VĂN PHÒNG VÀ CÁN BỘ ĐƯỜNG 30/4 VŨNG TÀU

Địa điểm: Số 33, đường 30/4, Tp Vũng Tàu

Quy mô dự án: 5.104,4m<sup>2</sup>. Mật độ xây dựng 54,5%. Tổng diện tích sàn: 96,169m<sup>2</sup>.

Số tầng cao: 36 tầng và 2 tầng hầm

Tổng mức đầu tư: 946 tỷ đồng

#### 5. DỰ ÁN TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI, VĂN PHÒNG VÀ KHÁCH SẠN HẠ LONG

Địa điểm: Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

Quy mô dự án: 10.000m<sup>2</sup>. Mật độ xây dựng: 47,6%. Tổng sàn xây dựng: 74.000m<sup>2</sup>

Tổng mức đầu tư: 870,68 tỷ đồng

## CÁC CÔNG TRÌNH DẪN DỰNG

- Thi công xây lắp Khu nhà điều hành và nhà ở công vụ BQLDA Khí-Điện-Đạm Cà Mau Giai đoạn 1,2,3  
Giá trị hợp đồng: 419,62 tỷ đồng
- Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu  
Giá trị hợp đồng: 280 tỷ đồng
- Trung tâm Tài chính Dầu khí 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Giá trị hợp đồng: 266,3 tỷ đồng
- Tòa nhà Dầu khí Nghệ An  
Giá trị hợp đồng: 378,58 tỷ đồng
- Tòa nhà Vinafood 1  
Giá trị hợp đồng: 135,74 tỷ đồng
- Trung tâm tài chính Dầu khí Đà Nẵng  
Giá trị hợp đồng: 183,4 tỷ đồng
- Trung tâm TM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng  
Giá trị hợp đồng: 676,63 tỷ đồng
- Nhà làm việc Bộ máy điều hành XNLD VietsovPetro  
Giá trị hợp đồng: 169,3 tỷ đồng
- Trụ sở Bộ Nội vụ  
Giá trị hợp đồng: 393,05 tỷ đồng
- Chung cư cao cấp Phú Đạt  
Giá trị hợp đồng: 107,50 tỷ đồng
- Khách sạn Dầu khí Thái Bình  
Giá trị hợp đồng: 387,41 tỷ đồng
- Trung tâm tu bổ phục chế tài liệu  
Giá trị hợp đồng: 124,38 tỷ đồng
- Văn phòng Viện Dầu khí  
Giá trị hợp đồng: 929,89 tỷ đồng
- Tổ hợp Chung cư và dịch vụ thương mại CT10-11 Văn Phú  
Giá trị hợp đồng: 129,877 tỷ đồng
- Nhà điều hành liên cơ quan - Tổng cục đường bộ Việt Nam - Ban QLDA 6 - Ban QLCA đường sắt.  
Giá trị hợp đồng: 52,360 tỷ đồng
- Trụ sở Agribank  
Giá trị hợp đồng: 43,977 tỷ đồng



DRAGON TOWER



TÒA NHÀ VIỆN DẦU KHÍ VIỆT NAM



NHÀ LÀM VIỆC BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH XHLD VIETSOVPETRO



TRỤ SỞ BỘ NỘI VỤ



TRUNG TÂM TÀI CHÍNH DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG



KHÁCH SẠN DẦU KHÍ THÁI BÌNH



KHU PHỨC HỢP CHUNG CƯ CAO ỐC VĂN PHÒNG TẠI SỐ 02 NGUYỄN HỮU CẢNH, PHƯỜNG THẮNG NHẤT, VÙNG TÂY



TRUNG TÂM TM TÀI CHÍNH DẦU KHÍ PHỤ MỸ HƯNG

## XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

TOPSIDE GIÀN MỘC TINH 1





## XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP



XÂY DỰNG KHO XĂNG DẦU CỬ LAO TÀO

- **Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1**  
Giá trị hợp đồng: 26.083 tỷ đồng (1,27 tỷ USD)
- **Kho lạnh Thị Vải**  
Giá trị hợp đồng: 1.165,35 tỷ đồng
- **EPC cảng nhập than Quảng Trạch**  
Giá trị hợp đồng: 1.395,25 tỷ đồng
- **EPC Nhà máy nhiệt điện Thái Bình**  
Giá trị hợp đồng: 24.000 tỷ đồng
- **Nhà máy nhiệt điện Chu trình hỗn hợp  
Nhơn Trạch 2**  
Giá trị hợp đồng: 1.382,34 tỷ đồng
- **Nhà máy Xơ sợi tổng hợp Polyester Đình Vũ Hải Phòng**  
Giá trị hợp đồng: 1.098,54 tỷ đồng
- **Nhà máy Ethanol nhiên liệu sinh học Khu vực phía Bắc**  
Giá trị hợp đồng: 976,91 tỷ đồng
- **Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng**  
Giá trị hợp đồng: 1.322,5 tỷ đồng
- **Đường ống - Kho chứa - Cảng xuất LPG Thị Vải**  
Giá trị hợp đồng: 994 tỷ đồng



DỰ ÁN NHIÊN LIỆU SINH HỌC ETHANOL PHÚ THỌ



CÔNG TRÌNH NHÀ MÁY CHẾ TẠO ỐNG THÉP HÀN THẮNG PV-PIPE



## XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

- **Nhà máy Chế tạo ống thép PV Pipe**  
Giá trị hợp đồng: 406,18 tỷ đồng
- **Tuyến ống dẫn khí và các trạm phân phối khí đảm bảo cung cấp 2 triệu m<sup>3</sup>/ngày đêm**  
Giá trị hợp đồng: 226 tỷ đồng
- **Nhà máy lọc dầu Dung Quất**  
Giá trị hợp đồng: 438 tỷ đồng
- **Hệ thống PP khí thấp áp Phú Mỹ- Mỹ Xuân - Gò Dầu GD 2**  
Giá trị hợp đồng: 116 tỷ đồng
- **Kho xăng dầu Cù Lao Tào**  
Giá trị hợp đồng: 489,03 tỷ đồng
- **Nhà máy Nhựa PolyPropylene tại Bình Sơn, Bình Trị, Quảng Ngãi**  
Giá trị hợp đồng: 557 tỷ đồng
- **Kho LPG Gò Dầu**  
Giá trị hợp đồng: 167,75 tỷ đồng
- **Kho cảng bốn chứa nhiên liệu 48000m<sup>3</sup>**  
Giá trị hợp đồng: 120 tỷ đồng
- **Mở rộng Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè Giai đoạn 2**  
Giá trị hợp đồng: 100,38 tỷ đồng
- **Kho chứa LPG và Trạm xuất xe bồn tại Dung Quất**  
Giá trị hợp đồng: 126,29 tỷ đồng

NHÀ MÁY LỌC DẦU DUNG QUẤT





KHO CHỨA LPG DUNG QUẤT



DỰ ÁN CHẾ TẠO BÓN BÉ CÔNG TRÌNH NHÀ MÁY ĐẠM PHŨ MỸ



KHU KHÉ ĐIỆN ĐẠM CÀ MAU



NHÀ MÁY XƠ SỢI TỔNG HỢP POLYESTER ĐÌNH VŨ HẢI PHÒNG



MỞ RỘNG TỔNG KHO XĂNG DẦU NHÀ BÈ GIAI ĐOẠN 2



KHO LẠNH THỊ VẢI



## XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG, GIAO THÔNG



DỰ ÁN NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH



DỰ ÁN NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN VŨNG AN - HÀ TĨNH



SAN LẤP MẶT BẰNG DỰ ÁN KHU LIÊN HỢP LỘC HÓA DẦU NGHĨ SƠN





- San lắp mặt bằng dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn  
Giá trị hợp đồng: 1.362,99 tỷ đồng
- San lắp mặt bằng cho PV Shipyard thuê tại Cảng Sao Mai – Bến Đình  
Giá trị hợp đồng: 137,82 tỷ đồng
- San lắp mặt bằng Trung tâm Điện lực Thái Bình  
Giá trị hợp đồng: 413,05 tỷ đồng
- San lắp mặt bằng bờ kè Trung tâm Nhiệt điện Long Phú  
Giá trị hợp đồng: 231 tỷ đồng
- San lắp mặt bằng tăng phục vụ thi công Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I và kênh dẫn nước hoàn trả  
Giá trị hợp đồng: 160,84 tỷ đồng



PVC - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011

DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN NHƠN TRẠCH 2

## I. CÁC CÔNG TY CHI PHỐI

### 1. CÔNG TY CP XÂY LẬP DẦU KHÍ HÀ NỘI (PVC-HN)

- Địa chỉ: Tầng 6 toà nhà Sannam, P.Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, Hà Nội
- ĐT: 043.795.0184/130 ● Fax: 043.795.0132
- Email: info@pvchanoi.vn ● Web: www.pvchanoi.vn/

### 2. CÔNG TY CP THI CÔNG CƠ GIỚI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ (PVC-ME)

- Địa chỉ: Tầng 4 toà nhà Sannam, P.Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, Hà Nội
- ĐT: 04.62696869 ● Fax: 0462690478
- Email: contact@pvc-me.vn ● Web: www.pvc-me.vn/

### 3. CÔNG TY CP KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ (PVC-MS)

- Địa chỉ: 02 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thảng Nhất, Tp Vũng Tàu
- ĐT: 0643 597532 ● Fax: 064 3848 404
- Email: sales@pvc-ms.vn ● Web: www.pvc-ms.vn

### 4. CÔNG TY CP XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG VÀ BẾ CHỨA DẦU KHÍ (PVC-PT)

- Địa chỉ: Tầng 6 toà nhà Petroland, số 12 Tân Trào, Tân Phú, Q7, Tp HCM
- ĐT: 08.5416.0800-03 ● Fax: 08.5416.0792-93
- Email: info@pvc-pt.vn ● Web: www.pvc-pt.vn

### 5. CÔNG TY CP XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG (PVC-MT)

- Địa chỉ: Tầng 6-7 toà nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí Đà Nẵng - Lô A2.1 đường 30/4, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng
- ĐT: 0511.3635.888 ● Fax: 0511.3635.777
- Email: infor@pvcmt.vn ● Web: www.pvcmt.vn

### 6. CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÀN DỰNG DẦU KHÍ (PVC-IC)

- Địa chỉ: Số 35D, đường 30/4, P.9, TP Vũng Tàu
- ĐT: 0643.834.784 ● Fax: 064.3839.925
- Email: info@pvc-ic.com.vn ● Web: www.pvc-ic.com.vn

### 7. CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ (PVC-MEKONG)

- Địa chỉ: Số 131, đường Trần Hưng Đạo, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
- ĐT: 0710.373.5678 ● Fax: 0710.373.5666
- Email: pvcmekong@pvcmekong.vn
- Web: www.pvc-cm.vn

### 8. CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN (PVC-SG)

- Địa chỉ: Tầng 8 toà nhà PVC, Sài Gòn 11 Bis đường Nguyễn Gia Thiều, P6, Q3, TP.Hồ Chí Minh
- ĐT: 083.930.1980 ● Fax: 083.930.1982
- Email: info@pvcsg.com.vn ● Web: www.pvcsg.com.vn

### 9. CÔNG TY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ (PVC-PETROLAND)

- Địa chỉ: 16 Trương Định, P6, Q3, TP. HCM
- ĐT: 08.3930.9889 ● Fax: 08.3630.9879
- Email: petroland@petroland.com.vn
- Web: www.petroland.com.vn

### 10. CÔNG TY CP DẦU KHÍ ĐÔNG ĐỒ (PVC ĐÔNG ĐỒ)

- Địa chỉ: Nhà số 9, CT 5, KĐT Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
- ĐT: 04 3785.5649 ● Fax: 04 37855424
- Email: info@daukhidongdo.vn
- Web: www.pvfc-land.com.vn

### 11. CÔNG TY CP BẤT ĐỘNG SẢN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVCLAND)

- Địa chỉ: P 6C1 Lầu 6 toà nhà Hannam officitel số 65 Nguyễn Du - P.Bến Nghé, Q1, TP.HCM
- ĐT: 083.8279.647/46 ● Fax: 083.8272.607
- Email: pvcland@pvcland.com.vn
- Web: www.pvcland.com.vn

### 12. CÔNG TY CP XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA (PVC-TH)

- Địa chỉ: Tầng 10 toà nhà PVFC Land, 38A đại lộ Lê Lợi, TP.Thanh Hóa
- ĐT: 0373. 724 668 ● Fax: 0373. 757 886
- Web: www.pvc-th.vn

### 13. CÔNG TY CP KINH DOANH DỊCH VỤ CAO CẤP DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVCR)

- Địa chỉ: Số 18 Nguyễn Huy Tự, Phường Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- ĐT: 04 37262955 ● Fax: 04 37262956
- Email: contact@pvr.vn. ● Web: www.pvr.vn

### 14. CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH (PVCTHÁI BÌNH)

- Địa chỉ: Số 458, Lý Bôn, Phường Đền Thám, Tp Thái Bình, Thái Bình
- ĐT: 0363 831 789 ● Fax: 0363 835 074
- Email: info@pvctb.vn ● Web: www.pvctb.vn

### 15. CÔNG TY CP THIẾT BỊ NỘI NGOẠI THẤT DẦU KHÍ (PVC-METAL)

- Địa chỉ: lầu 5, toà nhà PVC, Sài Gòn 11 Bis đường Nguyễn Gia Thiều, P6, Q3, TP.HCM
- ĐT: 083.930.7888/9880/9891 ● Fax: 083.930.1333
- Email: contact@pvc-metal.vn ● Web: www.pvc-metal.vn



## II. CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

### 1. CÔNG TY CP TRANG TRÍ NỘI THẤT DẦU KHÍ (PVC-ID)

- **Địa chỉ:** Tầng 5, Tòa nhà Bảo Anh, Số 62 Trần Thái Tông, Dịch Vọng Cầu Giấy, Hà Nội
- **ĐT:** 04 6281 1820 ● **Fax:** 04 6269 3765
- **Email:** contact@pvcid.vn ● **Web:** www.pvcid.vn

### 2. CÔNG TY CP BẤT ĐỘNG SẢN DẦU KHÍ VIỆT NAM - SSG (PV-SSG)

- **Địa chỉ:** Phòng 1506, tầng 15, tòa nhà Charm Vit, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Cầu giấy, Hà Nội
- **ĐT:** 04.3938.1643 ● **Fax:** 04.3938.1641
- **Web:** www.ssggroup.com.vn

### 3. CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY LẮP DẦU KHÍ IDICO (PVC-IDICO)

- **Địa chỉ:** Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, 67 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bến Thành, Q1, TP.HCM
- **ĐT:** 08.39259975 ● **Fax:** 08.39259976
- **Email:** info@pivls.vn ● **Web:** www.pivls.vn

### 4. CÔNG TY CP THIẾT KẾ QUỐC TẾ HEERIM PVC (HEERIM-PVC)

- **Địa chỉ:** Tầng 4, tòa nhà CEO, Lô HH2, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội
- **ĐT:** 04.37951001/02 ● **Fax:** 04.37951033
- **Email:** contact@heerimpvc.com
- **Web:** www.heerimpvc.com

### 5. CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY LẮP DẦU KHÍ IMICO (PVC-IMICO)

- **Địa chỉ:** Tầng 3 - 57 Trần Quốc Toàn - Hà Nội
- **ĐT:** 3941.2051/2653/2654 ● **Fax:** 3941.2052
- **Web:** www.imicojsc.com.vn/

### 6. CÔNG TY CP XÂY LẮP DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG (PVC-TBD)

- **Địa chỉ:** 156 Trần Quang Khải - P.Tân Định - Q1 - TP.HCM
- **ĐT:** 08.3848.2202 ● **Fax:** 083.843.8131
- **Web:** www.tbd.com.vn

### 7. CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY LẮP DẦU KHÍ HÒA BÌNH (PVC-5)

- **Địa chỉ:** Lô 69 TT4, KĐT Mỹ Đình-Sông Đà, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
- **ĐT:** 043.7856268 ● **Fax:** 043.7856266
- **Email:** pvc5@pvchoabinh.vn
- **Web:** www.pvchoabinh.vn

### 8. CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVM&E)

- **Địa chỉ:** Tầng 5, tòa nhà Đại Phát, Phố Duy Tân, P.Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, TP Hà Nội
- **ĐT:** 043795 8888 ● **Fax:** 043795 9999
- **Web:** www.pvme.com.vn

### 9. CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY LẮP DẦU KHÍ KINH BẮC (PVC-KBC)

- **Địa chỉ:** 119 Đường Huyền Quang, Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- **ĐT:** 0241.387.5767 ● **Fax:** 02413875766
- **Email:** pvc.kbc@gmail.com ● **Web:** www.pvc-kbc.com.vn

### 10. CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY LẮP DẦU KHÍ DUYÊN HẢI (PVC-DUYÊN HẢI)

- **Địa chỉ:** Tầng 4 khách sạn Dầu khí, số 441 đường Đà Nẵng, P. Đông Hải 1, Q.Hải An, Hải Phòng
- **ĐT:** 0313.26.24.36 ● **Fax:** 0313.26.24.35

### 11. CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC

- **Địa chỉ:** Tầng 12, tòa nhà Vinaconex 9, Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội.
- **ĐT:** 04 37875938 ● **Fax:** 04 37875937
- **Web:** www.pvv.com.vn

### 12. CÔNG TY CP XÂY LẮP DẦU KHÍ TRƯỜNG SƠN (PVC-TRUONG SON)

- **Địa chỉ:** 251A Quang Trung, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
- **ĐT:** 052 6250 939 ● **Fax:** 0523 855 668
- **Web:** www.pvctruongson.vn

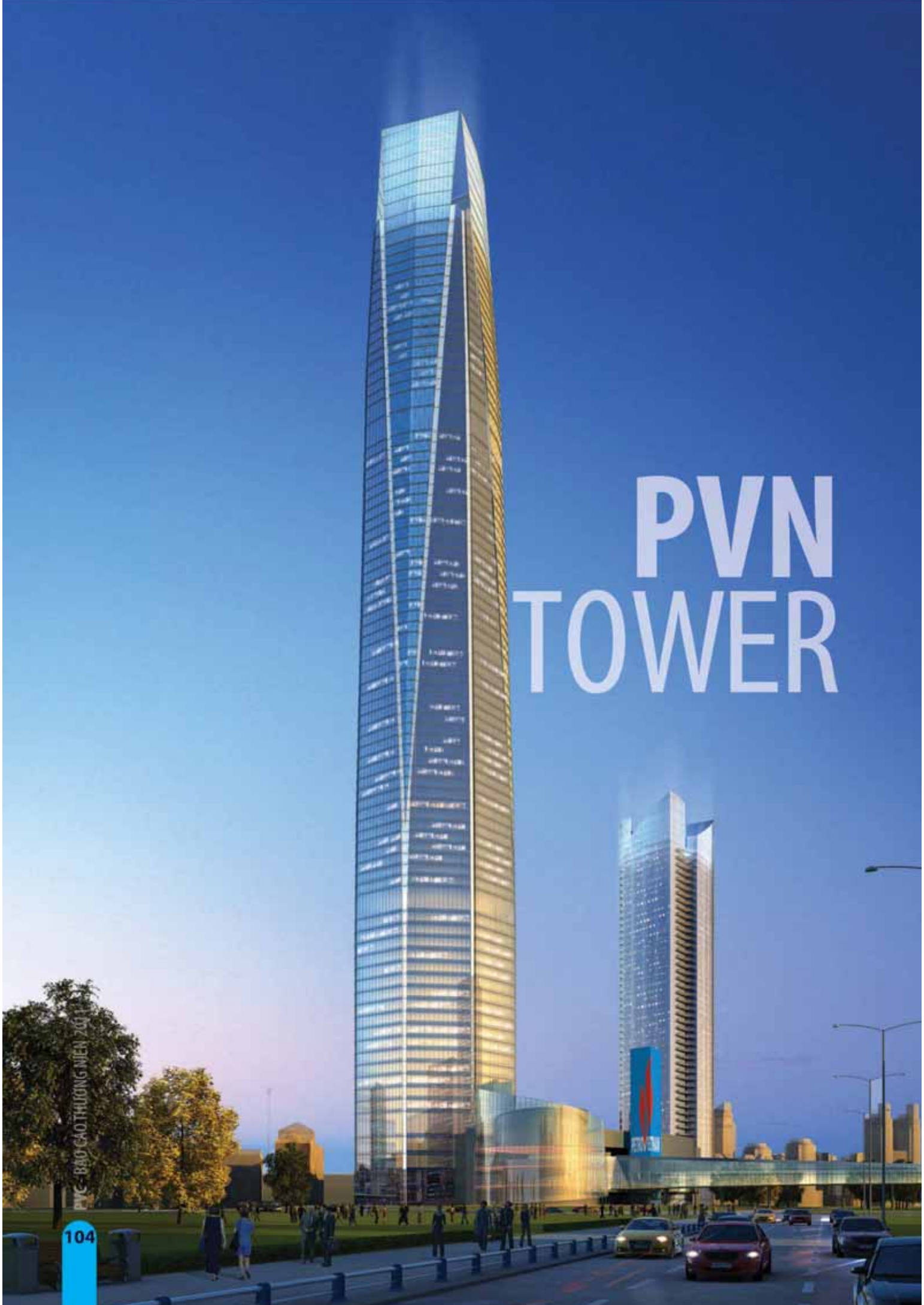
### 13. CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY XÂY LẮP DẦU KHÍ NGHỆ AN (PVNC)

- **Địa chỉ:** Tầng 8, 9, 10 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, Số 7, Đ. Quang Trung - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An
- **ĐT:** 0383 844 560 ● **Fax:** 0383.566.600
- **Email:** info@pvnc.com.vn ● **Web:** www.pvnc.com.vn

# PVN TOWER

PVC - BẢO CAO THƯỜNG NIÊN 2011

104



Tầng 25, Tòa nhà C.E.O - Đường Phạm Hùng - Từ Liêm - Hà Nội  
Tel: 04. 3768 9291 / 3 / 4 / 5 ● 3795 0806 / 7 / 9 ● 3768 9824 / 5  
● Fax: 04. 3768 9290 ● 3768 9867

**PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION**



**P**rofessional **V**isionary **C**reative  
CHUYÊN NGHIỆP. TÂM NHÌN. SÁNG TẠO

